

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
BAN SOẠN THẢO LUẬT DOANH NGHIỆP (SỬA ĐỔI)

Dự thảo lần 3

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ DỰ BÁO
TÁC ĐỘNG DỰ ÁN LUẬT DOANH NGHIỆP (SỬA ĐỔI)

Hà Nội, tháng 3 năm 2014

Mục lục

I. Giới thiệu	3
II. Mục tiêu sửa đổi, bổ sung Luật doanh nghiệp	3
1. Mục tiêu sửa đổi.....	3
III. Nguyên tắc xác định vấn đề và các giải pháp	3
IV. Vấn đề, giải pháp và đánh giá tác động giải pháp sửa đổi, bổ sung	4
1. Đăng ký thành lập doanh nghiệp.....	4
Vấn đề 1: Thủ tục đăng ký doanh nghiệp.....	4
Vấn đề 2: Thành lập doanh nghiệp, góp vốn/mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài.....	10
Vấn đề 3: Thành lập doanh nghiệp và điều kiện kinh doanh.....	14
Vấn đề 4: Ghi ngành nghề đăng ký kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.....	18
Vấn đề 5: Vốn và góp vốn thành lập doanh nghiệp.....	22
2. Nội dung quản trị doanh nghiệp.....	26
Vấn đề 6: Mô hình tổ chức quản lý công ty cổ phần.....	27
Vấn đề 7. Áp dụng nguyên tắc bầu dồn phiếu đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.....	31
Vấn đề 8: Áp dụng khoa học kỹ thuật vào quản trị doanh nghiệp.....	34
Vấn đề 9: Tỷ lệ biểu quyết ra quyết định trong doanh nghiệp.....	39
Vấn đề 10. Bảo vệ cổ đông.....	44
Vấn đề 11: Doanh nghiệp nhà nước.....	48
3. Tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp.....	52
Vấn đề 12. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp.....	52
Vấn đề 13. Giải thể doanh nghiệp.....	56
4. Vấn đề mới phát sinh.....	62
Vấn đề 14. Doanh nghiệp xã hội.....	62
V. Tóm tắt và kết luận	68

I. Giới thiệu

Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 6 năm 2006 (sau đây gọi tắt là Luật Doanh nghiệp). Thực tế đánh giá thi hành Luật doanh nghiệp cho thấy nhiều tác động tích cực của Luật trong tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng; thúc đẩy huy động vốn, phát triển và mở rộng kinh doanh của các doanh nghiệp; góp phần gia tăng tốc độ tăng trưởng và giải quyết các vấn đề xã hội. Bên cạnh đó, thực tế cũng cho thấy việc triển khai thực hiện luật doanh nghiệp trong hơn 8 năm qua cũng đã gặp phải không ít vướng mắc, hạn chế đối với hoàn thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh nói chung và phát triển doanh nghiệp nói riêng cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Luật. Chính vì vậy, Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo sửa đổi Luật doanh nghiệp. Để làm cơ sở cho việc sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiến hành đánh giá dự báo các tác động của các nội dung thay đổi trong dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi). Báo cáo tập hợp và trình bày những kết quả từ quá trình đánh giá dự báo những tác động của dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi).

II. Mục tiêu sửa đổi, bổ sung Luật doanh nghiệp

1. Mục tiêu sửa đổi

Mục tiêu cao nhất của sửa đổi Luật doanh nghiệp là làm cho doanh nghiệp trở thành một công cụ kinh doanh rẻ hơn, an toàn hơn và hấp dẫn hơn cho các nhà đầu tư; qua đó tăng cường thu hút và huy động hơn nữa mọi nguồn lực và vốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh. Các mục tiêu cụ thể mà dự án Luật doanh nghiệp (sửa đổi) nhằm đạt được bao gồm:

- Tạo thuận lợi hơn cho hoạt động thành lập doanh nghiệp; đối xử bình đẳng về thủ tục giữa các nhà đầu tư: trong nước & nước ngoài.
- Tạo thuận lợi hơn, giảm chi phí cho tổ chức quản trị doanh nghiệp, cơ cấu lại doanh nghiệp.
- Bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư, cổ đông, thành viên của doanh nghiệp.
- Tạo thuận lợi hơn và ít tốn kém hơn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư rút lui khỏi thị trường.
- Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

III. Nguyên tắc xác định vấn đề và các giải pháp

Thực tế cho thấy các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thi hành Luật doanh nghiệp thời gian qua có thể chia thành ba nhóm vấn đề phát sinh. Một là nhóm các vấn đề phát sinh do những khiếm khuyết trong nội dung của Luật doanh nghiệp; hai là nhóm các vấn đề do tổ chức triển khai thực hiện luật, và cuối cùng là các vấn đề do sự chưa tương thích, chồng chéo cuar một số luật có liên quan (Luật đầu tư, Luật chứng

khoản, và một số luật chuyên ngành khác) với Luật doanh nghiệp. Việc sửa đổi, bổ sung Luật doanh nghiệp chủ yếu tập trung giải quyết các vấn đề thuộc nhóm thứ nhất nói trên.

Việc rà soát Luật Doanh nghiệp để phát hiện những khuyết điểm của Luật đã được thực hiện dựa trên các tiêu chí sau:

- Tính rõ ràng, cụ thể. Tiêu chí này nhằm xác định điều khoản chưa đủ rõ ràng và cụ thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng khác nhau trên thực tế; tạo ra sự thiếu nhất quán và công bằng khi áp dụng.

- Tính hợp lý: Tiêu chí này nhằm xác định điều khoản chưa hợp lý hoặc không còn phù hợp với thực tiễn; hoặc đã chứng tỏ là thiếu tính khả thi, gây cản trở và làm tăng thêm chi phí tuân thủ đối với các nhà đầu tư và doanh nghiệp; hoặc không đạt được mục tiêu cụ thể đã định, nhất là mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích của người góp vốn.

- Tính tương thích: Tiêu chí này nhằm xác định điều khoản chưa tương thích với thông lệ quốc tế tốt, chưa phù hợp với yêu cầu và cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tính mới: Cuối cùng, tiêu chí này nhằm xác định vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn cho là cần thiết phải thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp.

Trên cơ sở các vấn đề bất cập, việc lựa chọn các giải pháp để sửa đổi Luật doanh nghiệp được thực hiện dựa trên các nguyên tắc sau.

- Kế thừa, tiếp tục phát huy kết quả và tác động tốt của các cải cách trong Luật doanh nghiệp 2000 và Luật Doanh nghiệp 2005.

- Trực tiếp khắc phục các hạn chế, bất cập của các quy định của Luật doanh nghiệp.

- Thẻ chế hóa vấn đề mới phát sinh.

IV. Vấn đề, giải pháp và đánh giá tác động giải pháp sửa đổi, bổ sung

Phần này sẽ phân tích các vấn đề bất cập cần phải sửa đổi Luật Doanh nghiệp; đồng thời đánh giá tác động của giải pháp và kiến nghị giải pháp lựa chọn. Các phân tích sẽ được thực hiện theo nhóm vấn đề và sắp xếp theo thứ tự nội dung cơ bản của Luật doanh nghiệp.

1. Đăng ký thành lập doanh nghiệp

Thủ tục thành lập doanh nghiệp hiện nay ở nước ta đã được cải thiện nhiều và cơ bản so với trước đây. Tuy vậy, vẫn còn một số vấn đề cần được xem xét, tiếp tục cải cách và sửa đổi trong Luật doanh nghiệp.

Vấn đề 1: Thủ tục đăng ký doanh nghiệp

Vấn đề bất cập

So sánh quốc tế và khu vực, thủ tục thành lập doanh nghiệp và khởi sự kinh doanh ở nước ta vẫn còn phức tạp, tốn kém về thời gian và chi phí. Xét về mức độ phức tạp và tốn kém về chi phí tuân thủ, thủ tục thành lập doanh nghiệp và khởi sự kinh doanh năm

2013 của nước ta vẫn ở thứ hạng thấp, đứng thứ 109 trên 189 quốc gia và nền kinh tế.¹ Nguyên nhân chính của việc nước ta được xếp hạng thấp so với thế giới bao gồm:

- Theo cách tính của Ngân hàng thế giới, khởi sự kinh doanh ở nước ta gồm 10 bước với tổng thời gian vào khoảng 34 ngày.²

STT	Thủ tục	Thời gian	Chi phí liên quan
1.	Đăng ký kinh doanh và mã số thuế	14 ngày	200.000 đồng phí
2.	Khắc dấu	6 ngày	Từ 165.000 – 370.000 đồng tùy loại dấu
3.	Đăng ký mẫu dấu	1 ngày	50.000 đồng
4.	Mở tài khoản ngân hàng	1 ngày	
5.	Công bố nội dung đăng ký kinh doanh trên công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (NBRS)	5 ngày	700.000 đồng
6.	Nộp thuế môn bài (thực hiện đồng thời thủ tục khác)	1 ngày	1000.000 đồng
7.	Mua hóa đơn hoặc in hóa đơn (thực hiện đồng thời thủ tục khác)	10 ngày	200.000 đồng/quyển
8.	Đăng ký lao động với Sở LĐ, TB và XH (thực hiện đồng thời thủ tục khác)	1 ngày	
9.	Đăng ký bảo hiểm xã hội (thực hiện đồng thời thủ tục khác)	1 ngày	
10.	Đăng ký thỏa ước tập thể (thực hiện đồng thời thủ tục khác)	7 ngày	

Thủ tục khởi sự ở nước ta được đánh giá khó khăn hơn nhiều so với một số nước xung quanh như: Malaysia (xếp hạng 16), Thái Lan (xếp hạng 91), Singapore (xếp hạng 1),...

Thủ tục khởi sự kinh doanh ở Malaysia gồm 3 thủ tục với thời gian khoảng 6 ngày, cụ thể như sau:

STT	Thủ tục	Thời gian	Chi phí liên quan
1.	Kiểm tra tên doanh nghiệp	1 ngày	30 MYR/đơn
2.	Công ty chuẩn bị hồ sơ thành lập công ty	3 ngày	1.000 MYR
3.	Nộp các hồ sơ cần thiết thông qua bộ phận một cửa của CCM và lấy các kết quả: chứng nhận thành lập công ty, đăng ký thuế, đăng ký với Quỹ lao động (EPF), đăng ký bảo	1 -2 ngày	1.000 MYR (phí đăng ký) + 220 MYR tem + 100 MYR phong bì thư)

¹ <http://www.doingbusiness.org/data/exploreeconomies/vietnam/>

² Doing business 2014. Wwww.doingbusiness.org.

	hiểm xã hội và với Inland Revenue Board.		
--	--	--	--

Thủ tục khởi sự kinh doanh ở Thái Lan xếp hạng 91, bao gồm 4 bước với tổng thời gian khoảng 27.5 ngày.

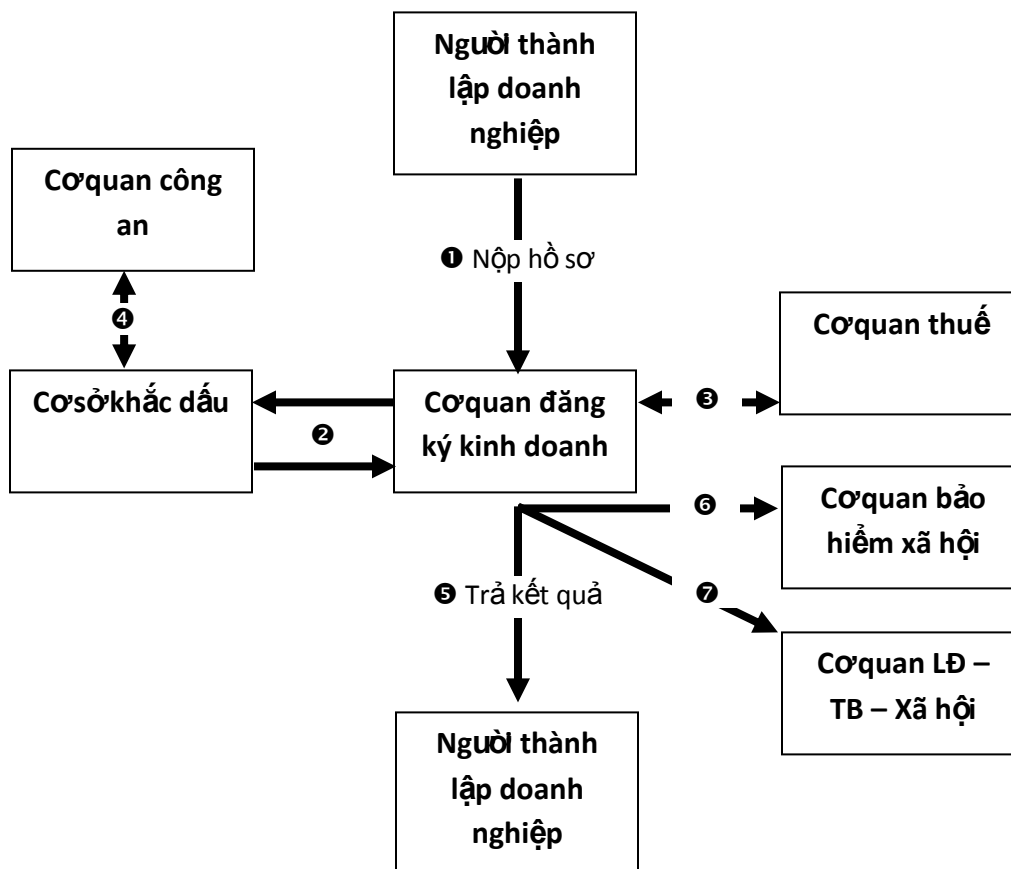
STT	Thủ tục	Thời gian	Chi phí liên quan
1.	Kiểm tra và giữ tên doanh nghiệp	Gần 1 ngày với thủ tục online	Không phí
2.	Nộp tiền góp vốn vào tài khoản ở ngân hàng	1 ngày	Không phí
3.	Khắc dấu	4 ngày	400 THB
4.	Phê duyệt Bản ghi nhớ thành lập doanh nghiệp, Nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và hồ sơ theo quy định của Luật lao động.	1 ngày cho đăng ký và 21 ngày cho phê duyệt hồ sơ theo Luật lao động	750 THB đăng ký bản ghi nhớ; từ 500 THB – 25.000 THB cho phí góp vốn (tính theo giá trị góp vốn) + 7.500 THB phí đăng ký doanh nghiệp

Các phương án được cân nhắc

PÁ 1: Tiếp tục thực hiện các thủ tục như quy định hiện hành với 10 thủ tục khác nhau.

PÁ 2: Kết hợp đồng thời nhiều thủ tục theo nguyên tắc một cửa liên thông. Cơ quan đăng ký kinh doanh là đầu mối nhận hồ sơ. Cơ quan ĐKKD gửi bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi được cấp sang cơ quan Lao động, Thương binh và Xã hội và cơ quan bảo hiểm để thực hiện thủ tục đăng ký lao động và bảo hiểm xã hội.

Quy trình theo phương án 2 này được thực hiện theo các bước như sau:



Bước 1: Người thành lập doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký kinh doanh

Bước 2 & 3: Các bước có thể thực hiện đồng thời. Sau khi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được chấp thuận hợp lệ, Cơ quan Đăng ký kinh doanh

- Gửi yêu cầu khắc dấu cho cơ sở khắc dấu sau khi hồ sơ được chấp thuận hợp lệ.
- Gửi yêu cầu cấp mã số thuế, thuế môn bài và yêu cầu mua hóa đơn, nếu có, cho cơ quan thuế. Cơ quan thuế chuyển lại hóa đơn, nếu có, cho cơ quan đăng ký kinh doanh.

Bước 4: Cơ quan khắc dấu thực hiện khắc dấu, đăng ký mẫu dấu với cơ quan công an và chuyển dấu cho cơ quan đăng ký kinh doanh.

Bước 5. Cơ quan đăng ký kinh doanh trả các kết quả cho người thành lập doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, con dấu và hóa đơn, nếu có.

Bước 6&7: Cơ quan đăng ký kinh doanh gửi bản sao GCNĐKDN cho cơ quan Lao động, Thương binh và Xã hội và Bảo hiểm xã hội để thực hiện thủ tục đăng ký lao động và bảo hiểm xã hội cho doanh nghiệp.

Đánh giá tác động các phương án

STT	Phương án	Sự phù hợp	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực
1.	PÁ 1: Giữ nguyên quy định hiện hành		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiệt hại do môi trường kinh doanh ở Việt Nam bị đánh giá thấp so với thông lệ tốt quốc tế. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí cao cho doanh nghiệp trong việc thực hiện riêng lẻ từng thủ tục, bao gồm: chi phí đi lại đến từng cơ quan; chi phí tổng thời gian để hoàn tất các thủ tục. 	<p><u>Cơ quan nhà nước</u></p> <p>Không có</p> <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <p>Không có</p>
2.	PÁ 2: Áp dụng quy trình thủ tục liên thông, một đầu mối	Thực tế, nhiều địa phương đã triển khai áp dụng quy trình liên thông với cơ quan Thuế và Công an	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan ĐKKD có thể phát sinh thêm chi phí giao dịch, gửi hồ sơ cho các cơ quan có liên quan. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có. 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả quản lý nhà nước tốt hơn. Tăng mức độ tuân thủ Luật của doanh nghiệp. Hạn chế tình trạng, chậm nộp thuế muôn bài, vi phạm đăng ký lao động, bảo hiểm xã hội,.... - Giúp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ở nước ta, qua đó tăng cường thu hút đầu tư. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; rút ngắn thời gian

STT	Phương án	Sự phù hợp	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực
				khởi sự và nhanh chóng tiến hành hoạt động kinh doanh. - Giảm thiệt hại của chi phí cơ hội trong kinh doanh.

Lựa chọn Phương án

Từ những phân tích cho thấy rõ ràng các lợi ích từ phương án 2 mang lại cho cả khu vực nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp là lớn, và lớn hơn nhiều so với chi phí có thể phát sinh của phương án này. Do đó, Ban soạn thảo kiến nghị lựa chọn phương án 2 để sửa đổi các quy định của Luật doanh nghiệp.

Vấn đề 2: Thành lập doanh nghiệp, góp vốn/mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài.

Vấn đề bất cập

Theo quy định hiện hành, còn có sự khác biệt không cần thiết về thủ tục thành lập doanh nghiệp, mua cổ phần, phần vốn góp, thủ tục mở chi nhánh, văn phòng đại diện, thay đổi địa điểm trụ sở chính, chuyển nhượng vốn... giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài, giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các thủ tục nói trên áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo trình tự, thủ tục về đầu tư và phức tạp hơn, khó khăn và tốn kém hơn nhiều so với doanh nghiệp trong nước.

Nguyên nhân chính của bất cập này là việc Luật Doanh nghiệp (Đ.20) và Luật đầu tư (Đ.50) đã gộp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Giấy chứng nhận đầu tư. Tuy nhiên, nguyên nhân sâu xa của bất cập này là chưa xác định được phương pháp luận về quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh nước ta.

Phương án được cân nhắc

Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện nay. Theo quy định tại Điều 50(1) Luật đầu tư và Điều 20 Luật Doanh nghiệp, thì:

- Nhà đầu tư nước ngoài lần đầu đầu tư vào Việt nam vẫn yêu cầu phải có dự án đầu tư.

- Việc đăng ký kinh doanh áp dụng nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện cùng với thủ tục đầu tư và tại cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư. Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và mở rộng hoạt động kinh doanh áp dụng với nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo thủ tục về đầu tư.³

Phương án 2: Áp dụng thống nhất các thủ tục hành chính thành lập doanh nghiệp, mua hoặc chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp, không phân biệt nhà đầu tư trong nước hay nước ngoài. Các quy định tương ứng sẽ được quy định trong Luật Doanh nghiệp.

Cần phải phân định rõ 2 nội dung quan trọng của chính sách đối với nhà đầu tư nước ngoài, bao gồm: (i) thủ tục hành chính và (ii) phạm vi thương quyền, quyền kinh doanh. Đối với nội dung thứ hai là phạm vi quyền kinh doanh thì ở nhiều nước, đặc biệt

³ Theo quy định hiện hành, thì Nhà đầu tư nước ngoài thành lập doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục của Luật doanh nghiệp nếu đáp ứng đồng thời 2 điều kiện sau: (i) Nhà đầu tư nước ngoài không phải là đối tượng lần đầu tiên đầu tư vào Việt Nam, và (ii) - Có sở hữu dưới 49% vốn điều lệ trong doanh nghiệp dự định thành lập.

nước đang phát triển, có sự phân biệt nhất định giữa nhà đầu tư nước ngoài và trong nước. Ở nước ta cũng có sự phân biệt này theo cam kết quốc tế và pháp luật. Theo xu hướng chung, sự khác biệt về thương quyền ngày càng thu hẹp bởi chính sách và cam kết quốc tế mở cửa thị trường. Tuy nhiên, xét về thủ tục hành chính, thì về cơ bản không có lý do để phân biệt giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

Phương án 3: là Phương án 2 nhưng các quy định tương ứng sẽ được quy định trong Luật đầu tư.

Đánh giá tác động các phương án

STT	Phương án	Sự phù hợp	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực
1.	PÁ 1: Giữ nguyên quy định hiện hành		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu lực quản lý nhà nước không cao do thông tin về đầu tư nước ngoài không đầy đủ, cập nhật và chính xác. Vốn đầu tư nước ngoài được thống kê bao gồm vốn đăng ký và vốn thực hiện. Vốn đăng ký chỉ đơn thuần là cam kết của nhà đầu tư nước ngoài. Trong khi đó, trong rõ tính xác thực và cách thức thống kê vốn thực hiện. - Chi phí từ việc có thêm đầu mối giải quyết thủ tục và theo dõi hoạt động riêng cho nhà đầu tư nước ngoài. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí cho nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thủ tục về đầu tư kéo dài hơn và phức tạp hơn. - Chi phí cho hoạt động tư vấn và tìm hiểu quy trình thủ tục do nhiều thủ tục không được quy định rõ 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có

STT	Phương án	Sự phù hợp	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực
			ràng, thống nhất.	
2.	PÁ 2: Áp dụng thống nhất một thủ tục và đồng thời quy định nội dung cần thiết trong Luật Doanh nghiệp		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác động tiêu cực do thay đổi về nhân sự do tổ chức lại bộ máy, do giảm bớt cơ quan đầu mối. - Lúng túng ban đầu trong thay đổi phương thức quản lý nhà nước và triển khai áp dụng phương thức quản lý mới. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không rõ ràng. 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm bớt chi phí giải quyết thủ tục do thống nhất vào một cơ quan đăng ký kinh doanh. - Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước do thống kê về đầu nước ngoài sẽ hệ thống hơn, cập nhật hơn và chính xác hơn. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm bớt chi phí thực hiện thủ tục hành chính: thời gian, chi phí tư vấn và cả chi phí cơ hội. <p><u>Xã hội:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác động tích cực: lao động, thu nhập, .. do thu hút đầu tư tốt hơn
3.	PÁ 3: Áp dụng thống nhất một thủ tục và đồng thời quy định nội dung cần thiết trong Luật Đầu tư		<ul style="list-style-type: none"> - Như phương án 2 - Tính chất “phân biệt” đối với nhà đầu tư nước ngoài sẽ đậm nét hơn so với trường hợp nếu nội dung này được quy định trong Luật Doanh nghiệp. Đồng thời, quy định trong Luật Doanh nghiệp sẽ phù hợp hơn với tính chất và chức năng của Luật Doanh nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Như phương án 2

Lựa chọn phương án

Từ phân tích tác động của các phương án cho thấy phương án 2 có nhiều tác động tích cực cho doanh nghiệp và cơ quan nhà nước về dài hạn so với phương án 1. Đồng thời, phương án 2 hợp lý hơn và phù hợp hơn khi được thể hiện trong Luật Doanh nghiệp sửa đổi. Do đó, phương án 2 đã được áp dụng để sửa đổi vào dự thảo Luật Doanh nghiệp. Cụ thể, theo dự thảo Luật doanh nghiệp đã bổ sung và sửa đổi các điều khoản sau đây.

- Bãi bỏ Điều 20 Luật doanh nghiệp và Điều 50 Luật Đầu tư

- Bổ sung khoản 30 và 31 Điều 4 dự thảo Luật Doanh nghiệp nhằm xác định rõ khái niệm hoạt động đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài.

“30. Nhà đầu tư nước ngoài bao gồm:

a) Cá nhân có quốc tịch nước ngoài

b) Tổ chức được thành lập ở nước ngoài và theo pháp luật nước ngoài.

c) Doanh nghiệp được thành lập ở Việt nam trong các trường hợp sau:

- Một hoặc các thành viên, cổ đông là người nước ngoài sở hữu trên 50% cổ phần phổ thông hoặc vốn điều lệ đối với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.

- Đa số quá bán thành viên hợp danh là người có quốc tịch nước ngoài đối với công ty hợp danh.

- Chủ doanh nghiệp tư nhân là người nước ngoài.

31. Đầu tư nước ngoài quy định trong Luật này bao gồm các hoạt động sau đây của người nước ngoài tại Việt Nam:

a) Góp vốn để thành lập một doanh nghiệp mới ở Việt Nam.

b) Mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp đã thành lập ở Việt Nam.

c) Mua lại cổ phần, phần vốn góp của cổ đông, thành viên của doanh nghiệp đã thành lập ở Việt Nam.”

Để phương án này được thực hiện thì đồng thời với sửa đổi Luật doanh nghiệp thì phải sửa đổi Luật đầu tư. Đồng thời, các nội dung liên quan đề thủ tục gia nhập thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài nên được quy định trong Luật Doanh nghiệp.

Vấn đề 3: Thành lập doanh nghiệp và điều kiện kinh doanh

Vấn đề bất cập:

Luật Doanh nghiệp 2005 yêu cầu phải có một số điều kiện kinh doanh như bản sao chứng chỉ hành nghề của người quản lý và xác nhận về vốn pháp định tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp. Thực tế thực hiện Luật doanh nghiệp cho thấy nói trên đã tỏ ra không hợp lý và không có hiệu lực quản lý nhà nước, nhưng lại gây ra khó khăn, tốn kém không cần thiết cho nhà đầu tư và thành lập doanh nghiệp mới.

Các phương án được cân nhắc

Phương án 1: Giữ nguyên các quy định như hiện nay. Tại các điều 16, 17, 18 và 19 Luật doanh nghiệp yêu cầu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có các tài liệu là:

- Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định.

- Chứng chỉ hành nghề của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân khác đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

Phương án 2: Bãi bỏ các yêu cầu người thành lập doanh nghiệp phải nộp văn bản xác nhận vốn pháp định và chứng chỉ hành nghề trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Đây được coi là các yêu cầu về điều kiện kinh doanh; theo đó, doanh nghiệp sau khi được thành lập chỉ được phép tiến hành kinh doanh những ngành nghề tương ứng khi đáp ứng yêu cầu về vốn pháp định và/hoặc chứng chỉ hành nghề. Tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp thì yêu cầu về điều kiện kinh doanh là không cần thiết.

Đánh giá tác động các phương án

STT	Phương án	Sự phù hợp	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực
1.	Phương án 1: giữ nguyên quy định hiện hành của Luật Doanh nghiệp		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thời gian cho cơ quan nhà nước hướng dẫn doanh nghiệp xin xác nhận vốn pháp định, nộp bản sao chứng chỉ hành nghề. - Lúng túng trong quản lý nhà nước đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Thực tế thực hiện Luật doanh nghiệp cho thấy nhiều trường hợp cơ quan liên quan đã quan niệm sai khi cho rằng cơ quan ĐKKD chịu trách nhiệm chính trong quản lý chứng chỉ hành nghề. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí và thời gian trong chuẩn bị hồ sơ thành lập doanh nghiệp: xin xác nhận vốn pháp định, sao bản sao chứng chỉ hành nghề. 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <p>Không rõ</p> <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <p>Không rõ</p>
2.	Phương án 2: Bỏ yêu cầu phải có xác nhận về vốn pháp định và bản sao chứng chỉ hành nghề trong hồ sơ	Đề phù hợp hơn và hiện thực hóa nguyên tắc “quyền tự do kinh doanh”.	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <p>Không có</p> <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <p>Không có</p>	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện được xác định rõ hơn; theo đó nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước.

STT	Phương án	Sự phù hợp	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực
	đăng ký doanh nghiệp			<p>- Giảm bớt các tác động tiêu cực từ quy định hiện hành.</p> <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <p>- Giảm bớt các tác động tiêu cực từ quy định hiện hành.</p>

Lựa chọn phương án

Từ phân tích tác động của các phương án nói trên có thể dễ dàng nhận thấy phương án 2 có nhiều lợi ích hơn hẳn phương án 1. Ban soạn thảo đã lựa chọn phương án 2 để sửa đổi Luật Doanh nghiệp. Theo dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi), các yêu cầu về xác nhận vốn pháp định và chứng chỉ hành nghề đã được bãi bỏ khi đăng ký doanh nghiệp.

Vấn đề 4: Ghi ngành nghề đăng ký kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Vấn đề bất cập.

Theo quy định tại Điều 7 Nghị định 43/2010/NĐ-CP thì việc ghi ngành nghề kinh doanh trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được thực hiện như sau:

- Ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được ghi và mã hóa theo ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, trừ những ngành, nghề cấm kinh doanh. Việc mã hóa ngành, nghề đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chỉ có ý nghĩa trong công tác thống kê.

- Căn cứ vào Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, người thành lập doanh nghiệp tự lựa chọn ngành, nghề kinh doanh và ghi mã ngành, nghề kinh doanh vào Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh đối chiếu và ghi ngành, nghề kinh doanh, mã số ngành, nghề kinh doanh vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Cách thức và yêu cầu đăng ký ngành nghề đăng ký kinh doanh theo mã ngành kinh tế quốc dân như nêu trên là chưa thật hợp lý, chưa đảm bảo nguyên tắc “doanh nghiệp được quyền kinh doanh tất cả các ngành nghề mà pháp luật không cấm, hoặc không hạn chế”; đồng thời, gây thêm phiền hà, tăng thêm rủi ro, chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

Phương án được cân nhắc

Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện nay, như nêu trên.

Phương án 2: Không ghi ngành nghề kinh doanh trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

Phương án 3: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chỉ ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Người thành lập doanh nghiệp tự chủ động ghi ngành nghề kinh doanh trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với ngành nghề kinh doanh dự kiến khi thành lập doanh nghiệp.

Phương án 4: Không ghi ngành nghề kinh doanh trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Người thành lập doanh nghiệp tự chủ động ghi ngành nghề kinh doanh trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với ngành nghề kinh doanh dự kiến khi thành lập doanh nghiệp.

Đánh giá tác động các phương án

STT	Phương án	Sự phù hợp	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực
1.	Phương án 1: Giữ nguyên như hiện nay		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí hướng dẫn doanh nghiệp khai và áp mã ngành trong hồ sơ ĐKDN. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí trong việc tìm hiểu, ghi mã ngành và sửa đổi hồ sơ ĐKDN: đi lại, thời gian chuẩn bị và sửa đổi hồ sơ. - Chi phí trong việc thay đổi, bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh. Ước tính, hàng năm doanh nghiệp mất khoảng 49.686.000.000 đồng là chi phí để thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh về ngành nghề kinh doanh.⁴ - Rủi ro cho doanh nghiệp khi kinh doanh ngành nghề mà pháp luật không cấm, nhưng chưa kịp ghi hoặc sửa đổi trong GCNDKDN. Rủi ro khác cho doanh nghiệp ví dụ như rủi ro ký hợp đồng kinh doanh thực hiện hoạt động mà chưa hoặc không được ghi rõ ràng, chính xác trong GCNDKKD. 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <p>Lợi ích không rõ ràng do số liệu thống kê về ngành nghề kinh doanh trong hồ sơ ĐKKD chỉ có tính chất tham khảo; doanh nghiệp thực tế có khi chỉ kinh doanh 1 hoặc một vài ngành nghề trong hàng chục ngành nghề đã đăng ký.</p> <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <p>Không rõ ràng</p>

⁴ Giả sử mỗi năm trung bình có 70.000 DN đăng ký thành lập mới. Số DN đăng ký thay đổi nội dung ĐKKD gấp khoảng 3,5 lần số đăng ký mới và 50% trong số đó là thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung ĐKKD. Thời gian cho đăng ký thay đổi, bổ sung ngành nghề ĐKKD ước tính là 8 giờ. Nếu tính chi phí lương cho người thực hiện khoảng 50.700 đồng/giờ/người.

2.	<p>Phương án 2: Cả GCNDKDN và Hồ sơ ĐKDN không ghi ngành nghề kinh doanh</p>		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúng túng ban đầu cho cơ quan nhà nước trong thay đổi và áp dụng phương thức quản lý phù hợp, đặc biệt đối với quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài và ngành nghề kinh doanh có điều kiện. - Phải sửa đổi một số quy định liên quan về cấp giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện.⁵ <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm bớt các tác động tiêu cực như nêu ở phương án 1 - Giảm chi phí tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi ngành nghề kinh doanh trong GCNDKDN. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm bớt các tác động tiêu cực như nêu ở phương án 1.
----	--	--	--	--

⁵ Thông thường hiện nay, khi cấp các giấy phép kinh doanh, một trong điều kiện hồ sơ là phải có GCNDKDN trong đó có ghi ngành nghề kinh doanh cần giấy phép kinh doanh đó.

3.	<p>Phương án 3: GCNDKDN chỉ ghi ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Ngành nghề trong hồ sơ ĐKDN do người thành lập doanh nghiệp tự ghi</p>		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tìm hiểu và ghi đúng ngành nghề kinh doanh có điều kiện. - Thời gian trong việc thống nhất với doanh nghiệp về ghi ngành nghề kinh doanh có điều kiện; thời gian giải quyết bất đồng, nếu có. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí trong việc thay đổi, bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh. 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có được thông tin ban đầu về ngành nghề doanh nghiệp dự kiến kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức về quyền kinh doanh và kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện.
4.	<p>Phương án 4: GCNDKDN không ghi ngành nghề kinh doanh. Ngành nghề trong hồ sơ ĐKDN do người thành lập doanh nghiệp tự ghi.</p>		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác động như phương án 2 <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí trong việc thay đổi, bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh (như phương án 3). 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Như phương án 2. - Có được thông tin ban đầu về ngành nghề doanh nghiệp dự kiến kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Như phương án 2, nhưng tác động ít hơn do doanh nghiệp vẫn phải tốn kém chi phí thay đổi, bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

Lựa chọn phương án

Phân tích tác động, lợi ích và chi phí thì các phương án 2 là phương án có lợi nhất và phương án 1 là bất lợi nhất. So sánh phương án 3 và 4 cho thấy phương án 4 có ít tác động tiêu cực hơn nhưng đồng thời có nhiều tác động tích cực hơn. Do đó, xét về lợi ích tổng thể, các phương án sẽ được sắp xếp theo thứ tự sau (phương án đầu tiên là phương án có lợi nhất): Phương án 2 => phương án 4 => phương án 3 => phương án 1. Tuy nhiên, xét tổng thể tác động thì Ban soạn thảo kiến nghị lựa chọn phương án 4 để sửa đổi trong Luật Doanh nghiệp.

Vấn đề 5: Vốn và góp vốn thành lập doanh nghiệp

Vấn đề bất cập

Tổng kết thi hành Luật Doanh nghiệp cho thấy thực hiện các quy định về góp vốn thành lập doanh nghiệp có một số bất cập sau đây:

- Các khái niệm về vốn công ty, đặc biệt các khái niệm về vốn công ty cổ phần chưa được quy định đủ rõ ràng, chưa thật chặt chẽ. Do đó, gây khó khăn và không thống nhất trong thực hiện; dễ bị lạm dụng, gây nhầm lẫn cho các bên có liên quan. Cùng một khái niệm về vốn, nhưng giữa Luật doanh nghiệp và văn bản hướng dẫn thi hành sử dụng thuật ngữ khác nhau. Luật doanh nghiệp sử dụng thuật ngữ “cổ phần được quyền chào bán”; trong khi đó, Nghị định 102/2010/ND-CP sử dụng thuật ngữ khác “cổ phần đã phát hành”, “cổ phần được quyền phát hành” (Điều 6(5)).

- Quy định về tiến độ có thể kéo dài đến 3 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn đã không đạt được mục tiêu dự kiến mà còn gây ra tác động không mong muốn như: nhầm lẫn về vốn điều lệ, cơ cấu sở hữu thực tế của doanh nghiệp. Qua đó, có thể làm phát sinh các mâu thuẫn, tranh chấp không đáng có trong nội bộ công ty có liên quan.

Các phương án được cân nhắc.

Phương án 1: Giữ nguyên như các quy định hiện nay của Luật Doanh nghiệp.

Phương án 2: Bổ sung thêm giải thích về vốn và định nghĩa rõ ràng, thống nhất phù hợp với thông lệ quốc tế về vốn trong công ty cổ phần. Vốn công ty cổ phần được hiểu đầy đủ theo các khái niệm sau đây:

- Vốn công ty cổ phần được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.
- Tổng số cổ phần mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ phát hành để huy động vốn gọi là “cổ phần được quyền phát hành”.
- Cổ phần được quyền phát hành mà đã được các cổ đông đã thanh toán đủ cho công ty gọi là “cổ phần đã phát hành”. Tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành là vốn điều lệ công ty cổ phần.
- Cổ phần được quyền phát hành mà chưa bán được hoặc chưa được thanh toán đủ cho công ty gọi là “cổ phần chưa phát hành”.

Phương án 3: Rút ngắn thời hạn thanh toán phần vốn góp khi thành lập công ty TNHH xuống 90 ngày kể từ ngày được cấp GCNDKDN. Thời hạn phải thanh toán phần vốn góp khi thành lập công ty TNHH bằng với thời hạn thanh toán mua cổ phần khi thành lập công ty cổ phần.

Đánh giá tác động các phương án

STT	Phương án	Sự phù hợp	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực
1.	Phương án 1: Giữ nguyên quy định như hiện nay.		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khó khăn trong giám sát doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về góp vốn. - Hiểu không đúng về vốn doanh nghiệp. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tranh chấp giữa các thành viên doanh nghiệp do không góp đủ và đúng hạn phần vốn góp sau khi thành lập doanh nghiệp. <p><u>Xã hội:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp phần làm gia tăng hiện tượng “vốn ảo” – tức là thành viên không góp đủ số vốn như đã ghi trong GCNDKDN.⁶ - Khó khăn cho bên liên quan trong đánh giá khả năng tài chính doanh nghiệp để thiết lập các quan hệ, giao dịch. - Rủi ro cho bên có liên quan do vốn ghi trong hồ sơ ĐKKD nhưng chưa góp hoặc chưa góp đủ. 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm được chi phí thực hiện thủ tục thay đổi vốn mỗi khi doanh nghiệp tăng vốn trong quá trình hoạt động.

⁶ Thực tế cho thấy có nhiều lý do các thành viên công ty không góp hoặc không góp đủ số vốn như đã đăng ký và ghi trong GCNDKDN. Một lý do đó là các bên cố ý không góp hoặc không góp đủ. Lý do khác là nhiều trường hợp do nguyên nhân bất khả kháng như không còn khả năng đóng góp khi đến hạn góp vốn.

2.	Phương án 2: Bổ sung quy định để giải thích rõ ràng và chính xác về vốn công ty		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm các tác động tiêu cực do không hiểu rõ, thống nhất và đúng khái niệm và bản chất vốn công ty, đặc biệt là vốn điều lệ. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm bớt tác động tiêu cực do không hiểu rõ và đúng về khái niệm vốn công ty.
3.	Phương án 3: Rút ngắn thời hạn tối đa phải thanh toán đủ phần vốn góp công ty TNHH là 90 ngày	Đúng với bản chất của Vốn điều lệ là vốn do các thành viên đã góp vào công ty.	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng chi phí tổ chức giải quyết thủ tục tăng vốn/thay đổi vốn điều lệ của công ty do doanh nghiệp có thể phải thực hiện thủ tục thay đổi vốn nhiều lần hơn.⁷ <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng chi phí thực hiện thủ tục tăng vốn/thay đổi vốn điều lệ trong quá trình hoạt động do doanh nghiệp có thể phải thực hiện thủ tục thay đổi vốn nhiều lần hơn. 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm các tác động tiêu cực từ việc cho phép thành viên góp vốn theo tiến độ và trong thời gian kéo dài. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm các tác động tiêu cực từ việc cho phép thành viên góp vốn theo tiến độ và trong thời gian kéo dài.

⁷ Quy định hiện hành thì thời hạn tối đa phải góp vốn là dài nên doanh nghiệp có thể huy động mức vốn điều lệ như mong muốn mà không phải làm thủ tục đăng ký thay đổi vốn thông qua cơ chế góp vốn làm nhiều đợt của các thành viên.

Lựa chọn phương án

Đánh giá tác động của các phương án trên cho thấy mỗi phương án đều có tác động tích cực và tiêu cực. Phương án 2 cho thấy một cách rõ ràng tác động tích cực là rất lớn và gần như không có tác động tiêu cực nào. Đối với phương án 1, mặc dù không tính toán các tác động bằng tiền để so sánh thì vẫn có thể thấy trong phương án này tác động tiêu cực sẽ lớn hơn tác động tích cực. Tác động tích cực của phương án 1 là giảm chi phí cho doanh nghiệp và cơ quan nhà nước thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ mỗi khi doanh nghiệp muốn tăng vốn. Chi phí này sẽ là không đáng kể thủ tục này đã được đơn giản hóa thành thủ tục thông báo theo dự thảo Luật doanh nghiệp. Tác động của Phương án 3 là ngược lại với tác động của phương án 1. Do đó, phương án 3 cho thấy tác động tích cực lớn hơn tác động tiêu cực.

Tuy nhiên có quan điểm cho rằng nếu rút ngắn thời hạn phải góp đủ vốn điều lệ đối với công ty TNHH thì có thể làm giảm tính linh hoạt của công ty trong huy động vốn theo tiến độ triển khai kinh doanh và làm cho việc sử dụng vốn kém hiệu quả. Quan điểm này không thuyết phục bởi lý do sau:

- Quy định thời hạn phải góp đủ vốn điều lệ như phương 3 là phù hợp và đúng với bản chất của vốn điều lệ - là vốn ban đầu đã góp của thành viên vào công ty.

- Lợi ích của phương án 3 mang lại cho xã hội nói chung là lớn hơn nhiều so với tác động tiêu cực của nó.

- Rút ngắn thời gian góp đủ vốn điều lệ không tạo ra bất kỳ một hạn chế nào đối với quyền huy động thêm vốn của công ty trong quá trình hoạt động.

Với những phân tích trên, Ban soạn thảo đã lựa chọn cả phương án 2 và 3 để sửa đổi, bổ sung vào dự thảo Luật Doanh nghiệp.

2. Nội dung quản trị doanh nghiệp

Quy định về quản trị doanh nghiệp là một nội dung quan trọng của Luật Doanh nghiệp. Theo cấu trúc của Luật doanh nghiệp, quy định về quản trị doanh nghiệp tiếp cận theo loại hình tổ chức doanh nghiệp, bao gồm: công ty trách nhiệm hữu hạn (chương III), công ty cổ phần (chương IV), công ty hợp danh (chương V), doanh nghiệp tư nhân (chương VI). Tuy nhiên, xét về nội dung các quy định quản trị doanh nghiệp có thể phân chia thành các nhóm vấn đề sau đây:

- Nhóm vấn đề mô hình tổ chức quản lý công ty
- Nhóm vấn đề trình tự, thủ tục ra quyết định trong doanh nghiệp
- Nhóm vấn đề bảo vệ cổ đông
- Nhóm vấn đề công khai và minh bạch hóa thông tin.

Phân tích sau đây sẽ tập chung vào vấn đề lớn theo thứ tự các nhóm vấn đề về quản trị doanh nghiệp như nêu trên.

Vấn đề 6: Mô hình tổ chức quản lý công ty cổ phần

Vấn đề bất cập

Thông lệ quốc tế cho thấy hiện nay có 2 mô hình quản trị công ty, gồm mô hình đơn hội đồng (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng giám đốc) và mô hình đa hội đồng (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và giám đốc, Tổng giám đốc) như miêu tả trong sơ đồ sau đây.

Mô hình tổ chức công ty cổ phần đa hội đồng



Mô hình tổ chức công ty cổ phần đơn hội đồng



Theo quy định của Luật doanh nghiệp, công ty cổ phần hiện được tổ chức theo một mô hình duy nhất là mô hình đa hội đồng như miêu tả sơ đồ trên. Thực tế cho thấy áp dụng duy nhất mô hình quản trị đa hội đồng như hiện nay không còn phù hợp thực tế đa dạng của doanh nghiệp về quy mô, tính chất sở hữu và sự đa dạng của cách thức quản trị công ty. Ngoài ra, quy định này của Luật doanh nghiệp không phù hợp thông lệ quốc tế tốt khi nhiều quốc gia cho phép công ty cổ phần được tùy ý lựa chọn áp dụng một trong hai mô hình quản trị nói trên.

Phương án được cân nhắc

Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện hành. Áp dụng duy nhất mô hình quản trị đa hội đồng đối với công ty cổ phần.

Phương án 2: Áp dụng duy nhất mô hình quản trị đơn hội đồng

Phương án 3: Bổ sung quy định về mô hình quản trị đơn hội đồng. Đồng thời cho phép doanh nghiệp tự do lựa chọn áp dụng 1 trong 2 mô hình quản trị.

Đánh giá tác động các phương án

STT	Phương án	Sự phù hợp	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực
1.	Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện nay		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u> Không rõ ràng</p> <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng chi phí cho doanh nghiệp trong tuân thủ quy định về quản trị doanh nghiệp. Nhiều trường hợp, Ban kiểm soát hoạt động không hiệu quả và được công ty lập ra chỉ nhằm mục tiêu tuân thủ quy định của Luật. Trong trường hợp này, chi phí cho hoạt động của Ban kiểm soát là chi phí không cần thiết cho doanh nghiệp. - Hạn chế doanh nghiệp trong áp dụng nguyên tắc quản trị quen thuộc và phù hợp. 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u> Không rõ ràng</p> <p><u>Doanh nghiệp:</u> Không rõ ràng</p>

2.	Phương án 2: Bổ sung quy định về mô hình quản trị đơn hội đồng và áp dụng duy nhất mô hình quản trị đơn hội đồng (bỏ quy định về quản trị theo mô hình đa hội đồng)		Về cơ bản giống như phương án 1 vì thực tế cho thấy mỗi mô hình quản trị đều có đặc điểm lợi và bất lợi; do đó, có thể là phù hợp với hoạt động kinh doanh này nhưng không phù hợp với hoạt động kinh doanh khác.	Giống như phương án 1
3.	Phương án 3: Bổ sung quy định về mô hình quản trị đơn hội đồng và cho phép doanh nghiệp tự do lựa chọn áp dụng mô hình quản trị	Phù hợp với thông lệ tốt quốc tế.	<u>Cơ quan nhà nước:</u> Không có <u>Doanh nghiệp:</u> Không có	<u>Cơ quan nhà nước:</u> -Không rõ <u>Doanh nghiệp:</u> - Giảm chi phí không cần thiết cho doanh nghiệp trong việc tuân thủ nguyên tắc quản trị doanh nghiệp. - Tăng linh hoạt trong tổ chức quản trị doanh nghiệp; theo đó, tăng cường sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Lựa chọn phương án

Các phân tích về tác động các phương án cho thấy phương án 3 có nhiều lợi ích nhất. Do đó, Ban soạn thảo đã lựa chọn phương án 3 và bổ sung quy định về mô hình quản trị đơn hội đồng để thêm lựa chọn cho doanh nghiệp.

Vấn đề 7. Áp dụng nguyên tắc bầu dồn phiếu đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Vấn đề bất cập.

Điều 104(3) Luật doanh nghiệp yêu cầu việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Thực tế thực hiện Luật doanh nghiệp cho thấy, quy định bắt buộc áp dụng nguyên tắc bầu dồn phiếu đối với bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty cổ phần tuy ở mức độ nhất định đã góp phần bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số, nhưng lại gây ra sự thiếu kết dính trong hội đồng quản trị; làm cho việc ra quyết định trong một số trường hợp kéo dài, tốn kém, thậm chí không thông qua được. Theo thông lệ quốc tế, nhiều quốc gia cho phép doanh nghiệp lựa chọn phương thức bầu thành viên Hội đồng quản trị theo cách thông thường hoặc dồn phiếu.

Ngoài ra, Luật doanh nghiệp không xác định rõ cách thức miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đã được bầu theo phương thức dồn phiếu.

Phương án được xem xét

Phương án 1: Giữ nguyên quy định như hiện hành. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát áp dụng phương thức bầu dồn phiếu.

Phương án 2: Cho phép doanh nghiệp lựa chọn và quy định trong Điều lệ phương thức bầu thành viên Hội đồng quản trị theo cách thông thường hoặc bầu dồn phiếu.

Phương án 3: Bỏ quy định về áp dụng phương thức bầu dồn phiếu.

Đánh giá tác động các phương án

STT	Phương án	Sự phù hợp	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực
1.	Phương án 1: Giữ nguyên như hiện nay: áp dụng nguyên tắc bầu dồn phiếu bầu thành viên HĐQT		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không rõ ràng. Chi phí cơ quan đkkd hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng nguyên tắc bầu dồn phiếu. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tìm hiểu và áp dụng nguyên tắc bầu dồn phiếu, đặc biệt thời gian đầu áp dụng Luật DN 2005. - Ảnh hưởng đến hoạt động của HĐQT trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các nhóm cổ đông trong công ty. 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không rõ ràng <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp bảo vệ được lợi ích của cổ đông “nhỏ”; bầu dồn phiếu có thể giúp cổ đông/nhóm cổ đông nhỏ có thể có đại diện trong HĐQT. Mặc dù vậy lợi ích này không thật sự rõ ràng bởi thành viên HĐQT có thể bị miễn nhiệm dễ dàng bởi nhóm cổ đông đa số.
2.	Phương án 2: Doanh nghiệp lựa chọn cách thức bầu thành viên HĐQT theo 1 trong 2 cách: thông thường hoặc dồn phiếu	Linh hoạt và phù hợp với nhu cầu đa dạng của doanh nghiệp	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> Không rõ ràng <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> Không có 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích từ việc công ty linh hoạt hơn trong lựa chọn phương thức quản trị phù hợp với thực tế và nguyện vọng của đa số cổ đông.

3.	Phương án 3: Bỏ nguyên tắc bầu dồn phiếu	Không phù hợp với thông lệ quốc tế tốt và nguyện vọng của một số doanh nghiệp.	<u>Cơ quan nhà nước:</u> - Không rõ ràng <u>Doanh nghiệp:</u> - Bất lợi cho doanh nghiệp và cổ đông có mong muốn áp dụng nguyên tắc bầu dồn phiếu trong bầu thành viên HĐQT & BKS.	<u>Cơ quan nhà nước:</u> - Không rõ ràng <u>Doanh nghiệp:</u> - Không rõ ràng
----	--	--	---	--

Lựa chọn phương án

Từ phân tích và đánh giá tác động của từng phương án cho thấy phương án 2 là phương án có lợi ích cao hơn bất lợi và lớn hơn so với 2 phương án còn lại. Do đó, Ban soạn thảo đã sửa đổi Luật Doanh nghiệp theo phương án 2; theo đó cho phép doanh nghiệp lựa chọn phương thức bầu thành viên HĐQT và BKS phù hợp theo cách thông thường hoặc dồn phiếu.

Vấn đề 8: Áp dụng khoa học kỹ thuật vào quản trị doanh nghiệp

Vấn đề bất cập

Thực tế thực hiện Luật doanh nghiệp cho thấy nhiều trường hợp doanh nghiệp đã gặp khó khăn trong triệu tập họp và ra quyết định nếu tuân thủ đúng theo quy định của Luật về trình tự, thủ tục. Khó khăn này thường gặp ở những công ty lớn với số lượng cổ đông nhiều. Khó khăn trong triệu tập họp và ra quyết định đã gây nhiều bất lợi cho doanh nghiệp, như chi phí triệu tập họp: thuê địa điểm họp, chi phí in ấn tài liệu, chi phí gửi tài liệu cho cổ đông, ... hoặc có thể mất cơ hội kinh doanh do chậm trễ trong ra quyết định kinh doanh.

Có nhiều nguyên nhân của bất cập này. Một số công ty cổ phần, đặc biệt là công ty niêm yết có số lượng cổ đông rất lớn, lên đến hàng nghìn cổ đông. Trong nhiều trường hợp, phần lớn cổ đông của công ty chưa có ý thức dự họp đầy đủ khi được triệu tập hoặc không muốn dự họp. Một nguyên nhân khác chính là hạn chế của quy định liên quan trong Luật Doanh nghiệp. Một số quy định của Luật doanh nghiệp 2005 về trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định trong công ty đã không còn phù hợp, tỏ ra lạc hậu so với sự phát triển của công nghệ thông tin, nhất là khi có internet; do đó, chưa thực sự tạo thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ trong quản trị công ty. Một số quy định khác như yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên còn cứng nhắc, tới 3 lần trong một số trường hợp gây chậm trễ và tốn kém trong việc ra các quyết định kinh doanh cần thiết.

Luật Doanh nghiệp đang “tró” đại hội cổ đông trực tuyến⁸

Theo bà Nguyễn Thị Thái Anh, giám đốc Khối Tư vấn doanh nghiệp, phụ trách sản phẩm EzGSM – hỗ trợ ĐHCĐ trực tuyến của CTCPCCK FPT, lợi ích lớn nhất của ĐHCĐ trực tuyến là doanh nghiệp có thể kiểm soát được có bao nhiêu NĐT sẽ đến tham dự ĐHCĐ để có thể chuẩn bị cơ sở vật chất đầy đủ và tránh được việc phải tổ chức đại hội nhiều lần. Với các cổ đông, đặc biệt là các cổ đông nhỏ lẻ EzGSM giúp họ thực thi quyền của mình không bị hạn chế về thời gian, không gian hay số lượng cổ phần, ...

Hiện tại bất cập lớn nhất cho Đại hội cổ đông trực tuyến lại nằm ở Luật Doanh nghiệp. Khoản 1 Điều 26 Nghị định 102/2010/NĐ-CP hướng dẫn Luật DN quy định việc cổ đông được tính là đã tham dự Đại hội cổ đông theo một trong các hình thức: hoặc là trực tiếp tham dự, hoặc là ủy quyền cho người khác dự họp, hoặc gửi phiếu biểu quyết

⁸ CafeF. Thứ 4, 05/09/2012 14:23:26

bằng thư đảm bảo đến HĐQT chậm nhất 1 ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trường hợp này trưởng ban kiểm phiếu có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Như vậy, nếu căn cứ theo Luật hiện tại, thì cho dù các cổ đông có biểu quyết từ xa, làm mọi thủ tục online trên máy tính thì cuối cùng cổ đông vẫn phải in phiếu biểu quyết, ký tên và gửi thư đảm bảo về cho HĐQT.

Các phương án được cân nhắc

Phương án 1: Giữ nguyên các quy định như trong Luật Doanh nghiệp.

Phương án 2: Bổ sung quy định tạo điều kiện doanh nghiệp ứng dụng khoa học kỹ thuật và internet vào họp và ra quyết định, như: đăng tải tài liệu họp lên trang web, gửi tài liệu họp qua email, thừa nhận giá trị pháp lý họp trực tuyến như họp truyền thống,

Phương án 3: Cho phép cuộc họp Đại hội đồng cổ lần 2 luôn được tiến hành, không phụ thuộc vào số lượng hay tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp nếu cuộc họp lần thứ nhất không điều kiện họp; trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác.

Phương án 4: Hạ thấp điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ lần 2 trong trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không điều kiện họp xuống 33% tổng số phiếu biểu quyết.

Đánh giá tác động các phương án

STT	Phương án	Sự phù hợp	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực
1.	Phương án 1. Giữ nguyên các quy định Luật doanh nghiệp		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không rõ ràng <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia tăng chi phí cho một số doanh nghiệp trong triệu tập họp và thông qua quyết định do: <ul style="list-style-type: none"> + không thể ứng dụng được công nghệ thông tin: email, họp trực tuyến,.... + triệu tập họp nhiều lần do cổ đông không tham dự họp tích cực và đầy đủ. - Mất cơ hội kinh doanh hoặc ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh do chậm chễ và khó khăn trong triệu tập họp và ra quyết định kinh doanh. 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không rõ ràng <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu của quy định trong Luật doanh nghiệp là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cổ đông nhỏ; hạn chế cổ đông lớn, người quản lý làm dung địa vị, quyền hạn để ra quyết định gây thiệt hại cho cổ đông nhỏ.

2.	Phương án 2.	Mục tiêu tốt của quy định hiện hành theo Luật doanh nghiệp vẫn đảm bảo không bị ảnh hưởng hoặc bị mất đi.	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không rõ ràng <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp có thể mất chi phí đầu tư ban đầu để ứng dụng khoa học kỹ thuật vào quy trình triệu tập họp và ra quyết định. - Các cổ đông, bên có liên quan mất thời gian để tìm hiểu, làm quen và sử dụng công nghệ mới. Có thể gây bất lợi cho một số cổ đông kém thích nghi, làm quen với giải pháp công nghệ. - Rủi ro, tranh chấp giữa công ty và cổ đông có thể xảy ra do trực trực trong quá trình ứng dụng và vận hành công nghệ, như: thất lạc email, trực trực đường truyền trong họp trực tuyến,... 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không rõ ràng <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm đáng kể chi phí cho những công ty có số lượng cổ đông lớn trong triệu tập họp và ra quyết định.
----	--------------	---	---	--

3.	Phương án 3.	Mục tiêu tốt của quy định hiện hành theo Luật doanh nghiệp vẫn đảm bảo không bị ảnh hưởng hoặc bị mất đi.	<u>Cơ quan nhà nước:</u> - Không rõ ràng <u>Doanh nghiệp:</u> - Không rõ ràng	<u>Cơ quan nhà nước:</u> Không rõ <u>Doanh nghiệp:</u> - Giảm rủi ro trong kinh doanh do chậm chễ, khó khăn trong triệu tập họp và ra quyết định. - Giảm chi phí cho doanh nghiệp do giảm tỷ lệ cuộc họp phải triệu tập nhiều lần.
4.	Phương án 4.	Mục tiêu tốt của quy định hiện hành theo Luật doanh nghiệp vẫn đảm bảo không bị ảnh hưởng hoặc bị mất đi.	Các tác động tương tự phương án 3. Tuy nhiên, mục tiêu bảo vệ lợi ích của cổ đông và tránh sự lạm dụng quyền hạn và địa vị của người quản lý tốt hơn về lý thuyết. Trên thực tế, mục tiêu bảo vệ lợi ích cổ đông không đạt được nếu cổ đông không muốn hoặc không tích cực dự họp.	Tác động tích cực chủ yếu đối với doanh nghiệp và tương tự như phương án 3. Mặc dù vậy, mức độ tác động tích cực là thấp hơn do công ty vẫn tồn kém do phải có thể phải triệu tập họp nhiều lần mới có thể tiến hành họp.

Lựa chọn phương án

Phân tích tác động các phương án cho thấy các phương án 2, 3 và 4 đều có tác động tích cực hơn so với phương án 1. Như vậy, việc sửa đổi, bổ sung Luật doanh nghiệp là cần thiết.

Phương án 2 cho thấy có cả lợi ích và chi phí. Trong trường hợp này, khó đánh giá chung được là lợi ích lớn hơn hay ngược lại. Trong từng trường hợp cụ thể thì so sánh lợi ích – chi phí sẽ đem lại kết quả khác nhau. Phương án 2 là phương án mà doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng. Đối với doanh nghiệp có số lượng cổ đông lớn, thì ứng dụng công nghệ thông tin vào quản trị doanh nghiệp sẽ đem lại lợi ích lớn hơn. Do đó, mỗi doanh nghiệp, trong từng trường hợp cụ thể sẽ cân nhắc lợi ích – chi phí để quyết định ứng dụng công nghệ thông tin vào triệu tập họp và ra quyết định. Tóm lại, việc sửa đổi Luật doanh nghiệp theo phương án 2 sẽ là một cách thức tốt để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp mà việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản trị là lợi ích lớn cho doanh nghiệp này.

Phương án 3 và 4 có lợi ích và chi phí tương đối giống nhau. Mặc dù vậy, mức độ tác động tích cực của phương án 4 là thấp hơn so với phương án 3. Lý do là do công ty vẫn tồn kém do phải có thể phải triệu tập họp nhiều lần mới có thể tiến hành họp. Đối lại, xét về tác động tiêu cực thì phương án 4 đảm bảo tốt hơn trong bảo vệ lợi ích cổ đông về mặt lý thuyết. Xét tổng thể, phương án 3 có thể sẽ mang lại lợi ích nhiều hơn nhưng với mức độ không lớn. Cuối cùng Ban soạn thảo kiến nghị lựa chọn phương án 4 vì để tránh thay đổi lớn trong dự thảo Luật doanh nghiệp; đồng thời duy trì được mục tiêu bảo vệ cổ đông tốt hơn.

Vấn đề 9: Tỷ lệ biểu quyết ra quyết định trong doanh nghiệp

Vấn đề bất cập.

Một trong những nội dung thay đổi quan trọng của Luật doanh nghiệp 2005 là nâng cao tỷ lệ biểu quyết thông qua quyết định của công ty, cụ thể là 65% phần vốn góp/phiếu biểu quyết đối với quyết định thông thường và 75% phần vốn góp/phiếu biểu quyết đối với quyết định quan trọng. Một trong những mục tiêu của thay đổi này trong Luật doanh nghiệp 2005 là nâng cao mức độ bảo vệ lợi ích của cổ đông nhỏ. Mặc dù vậy, đánh giá thực tế thực hiện Luật doanh nghiệp cho thấy quy định các tỷ lệ số phiếu bắt buộc tối thiểu phải có để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần chưa đạt được mục tiêu là bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số, mà còn tạo ra sự cứng nhắc, tồn kém quá mức về thời gian và tiền bạc trong tổ chức họp và ra các quyết định của đại hội đồng cổ đông, nhất là các công ty đại chúng; gây bất lợi cho công ty và cổ đông của công ty nói chung.

So với thông lệ chung của quốc tế, yêu cầu về tỷ lệ biểu quyết thông qua quyết định công ty còn cao, cụ thể xem bảng dưới đây:

Bảng so sánh yêu cầu tỷ lệ biểu quyết thông qua quyết định trong công ty của một số nước

Loại quyết định	Trung quốc	Ấn độ	Indonesia	Malaysia	Singapore	Triều Tiên	Đài Loan	Thái Lan
Bổ nhiệm Giám đốc	Quyết định thông thường >50%	Quyết định thông thường >50%	Quyết định thông thường >50%	Quyết định thông thường >50%	Quyết định thông thường >50%	Quyết định thông thường >50%		
Bãi nhiệm Giám đốc		Quyết định thông thường >50%	Quyết định thông thường >50%	Quyết định thông thường >50%	Quyết định thông thường >50%	Quyết định thông thường >50%	Quyết định thông thường >50%	Quyết định thông thường >50%
Tăng cổ phần được quyền phát hành		Quyết định đặc biệt >75%		Quyết định thông thường >50%	Quyết định đặc biệt >75%	Quyết định thông thường >50%	Quyết định đặc biệt >67%	Quyết định đặc biệt >75%
Sửa đổi Điều lệ công ty	Quyết định đặc biệt >67%	Quyết định đặc biệt >75%		Quyết định đặc biệt >75%	Quyết định đặc biệt >75%	Quyết định đặc biệt >67%	Quyết định đặc biệt >67%	Quyết định đặc biệt >75%
Thù lao cho Hội đồng quản trị		Quyết định đặc biệt >75%		Không	Quyết định thông thường >50%	Quyết định thông thường >50%	Quyết định thông thường >50%	Quyết định thông thường >50%
Giao dịch lớn của công ty	Quyết định đặc biệt >66%	Quyết định đặc biệt >75%	Quyết định đặc biệt >75%			Quyết định đặc biệt >67%	Quyết định đặc biệt >67%	Quyết định đặc biệt >75%
Thay đổi mục tiêu kinh doanh		Quyết định đặc biệt >75%	Quyết định đặc biệt >67%	Quyết định đặc biệt >75%	Quyết định đặc biệt >75%	Quyết định thông thường >50%		Quyết định đặc biệt >75%

Nguồn: *VNCI-CIEM (2008): A toolbox for Vietnamese Policy Maker*

Phương án được cân nhắc

Phương án 1: Giữ nguyên như quy định tại Luật Doanh nghiệp 2005. Cụ thể là các Điều 52 và 104 Luật doanh nghiệp như sau:

Điều 52(2) quy định:

“2. Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:

a) Được số phiếu đại diện ít nhất 65% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp chấp thuận; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định;

b) Được số phiếu đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp chấp thuận đối với quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, tổ chức lại, giải thể công ty; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

3. Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được số thành viên đại diện ít nhất 75% vốn điều lệ chấp thuận; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.”

Điều 104(3)&(5) quy định:

“3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định;

b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không có quy định khác thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định;

5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.”

Phương án 2: Hạ thấp điều kiện thông qua quyết định doanh nghiệp theo tỷ lệ 65% phần vốn góp/phiếu biểu quyết đối với quyết định thông thường và 75% phần vốn góp/phiếu biểu quyết đối với quyết định quan trọng; áp dụng như nhau điều kiện thông qua quyết định bằng hình thức họp và lấy ý kiến bằng văn bản.

Đánh giá tác động các phương án

STT	Phương án	Sự phù hợp	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực
1.	Phương án 1: Giữ nguyên điều kiện thông qua quyết định của doanh nghiệp theo tỷ lệ quy định tại Luật Doanh nghiệp		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không rõ ràng <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia tăng chi phí cho một số doanh nghiệp trong triệu tập họp và thông qua quyết định do phải triệu tập họp nhiều lần mới có thể thông qua được quyết định. - Mất cơ hội kinh doanh hoặc ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh do chậm chễ và khó khăn trong triệu tập họp và ra quyết định kinh doanh. - Mầm mống mâu thuẫn và mâu thuẫn kéo dài trong nội bộ doanh nghiệp, giữa các nhóm cổ đông. - Không tương thích với thông lệ quốc tế tốt.⁹ 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không rõ ràng <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu của quy định này trong Luật doanh nghiệp là nhằm nâng cao mức độ bảo vệ lợi ích của cổ đông. Mặc dù vậy, kinh nghiệm quốc tế cho thấy đây không phải là biện pháp hiệu quả để bảo vệ lợi ích cổ đông; đồng thời, thực tế thực hiện Luật doanh nghiệp cho thấy mục tiêu này không đạt được như mong muốn.¹⁰

⁹ Cần kiểm tra lại thông tin về nội dung tương tự trong luật công ty của các nước xung quan

¹⁰ Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới khi so sánh nước ta với các nước khác thì chỉ số bảo vệ nhà đầu tư được xếp hạng rất thấp, khoảng 166/189 quốc gia. Báo cáo doing business năm 2014.

2.	<p>Phương án 2. Hạ thấp điều kiện thông qua quyết định doanh nghiệp theo tỷ lệ biểu quyết thấp hơn từng loại quyết định; áp dụng cùng một điều kiện thông qua quyết định đối với hình thức họp và lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>Quy định của Luật là yêu cầu về điều kiện tối thiểu. Quy định này sẽ không tác động đến doanh nghiệp có mong muốn áp dụng điều kiện cao hơn trong thông qua quyết định vì hoàn toàn có thể quy định điều kiện như mong muốn trong Điều lệ.</p>	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không rõ ràng <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không rõ ràng 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không rõ ràng <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm bớt chi phí cho một số doanh nghiệp, hạn chế tình trạng doanh nghiệp phải triệu tập họp nhiều lần mới có thể thông qua được quyết định. - Giảm bớt rủi ro do mất cơ hội kinh doanh do chậm chễ và khó khăn trong triệu tập họp và ra quyết định kinh doanh. - Giảm bớt mâu thuẫn và tranh chấp kéo dài trong nội bộ doanh nghiệp, giữa các nhóm cổ đông.
----	--	---	---	---

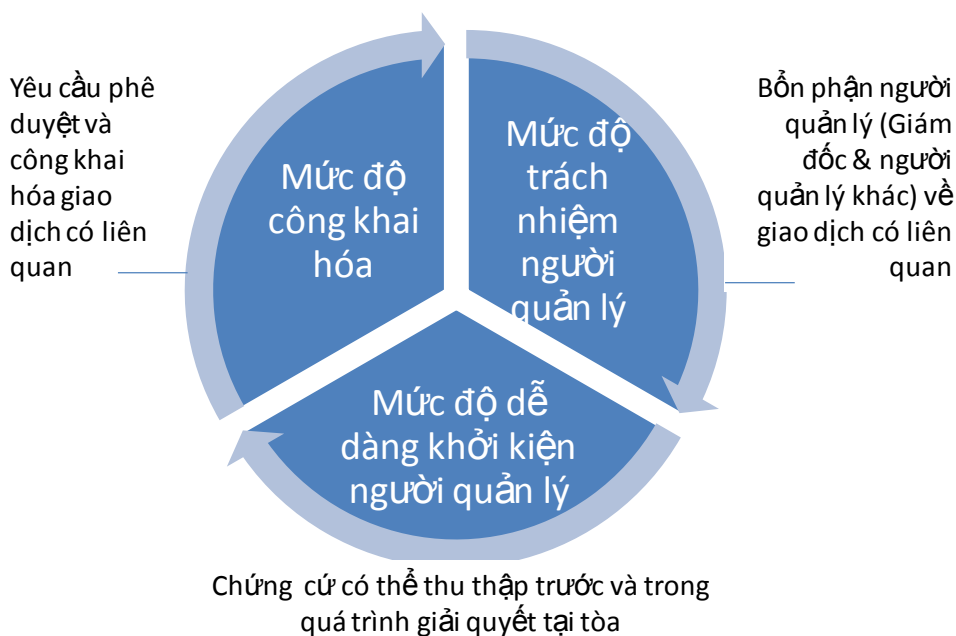
Lựa chọn phương án

Từ phân tích tác động của 2 phương án nêu trên cho thấy phương án 2 có lợi ích lớn hơn nhiều so với phương án 1. Do đó, Ban soạn thảo đã sửa đổi Luật Doanh nghiệp theo phương án 2.

Vấn đề 10. Bảo vệ cổ đông

Vấn đề bất cập

Bảo vệ cổ đông là một nội dung quan trọng của khung quản trị doanh nghiệp. Việc hoàn thiện quy định về bảo vệ cổ đông sẽ đóng góp quan trọng làm cho doanh nghiệp trở thành một công cụ kinh doanh an toàn và thông qua đó sẽ thúc đẩy và huy động đầu tư. Nội dung quan trọng của quy định về bảo vệ cổ đông là đảm bảo các cổ đông được đối xử công bằng và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp không bị chiếm đoạt. Ngân hàng thế giới khi đánh giá mức độ bảo vệ nhà đầu tư đã sử dụng các tiêu chí sau đây.



Nguồn: *Doingbusiness.org*

Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, mức độ bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư ở nước ta vẫn liên tục bị xếp hạng rất thấp so với các quốc gia trong khu vực và thế giới. Báo cáo của Ngân hàng thế giới năm 2014 đã xếp nước ta thứ 160 trong 189 quốc gia, nền kinh tế. Nhìn tổng thể, thì quy định về bảo vệ cổ đông được điều chỉnh bởi nhiều Luật khác nhau, như pháp luật về quyền tài sản, tố tụng dân sự, ... và Luật doanh nghiệp. Nhìn vào tiêu chí nêu trên, thì Luật Doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong định chế bảo vệ nhà đầu tư. Đánh giá thi hành Luật doanh nghiệp cho thấy, bất cập hiện nay nằm ở một số quy định của Luật chưa tạo thuận lợi cho cổ đông, thành viên công ty thực hiện quyền khởi kiện người quản lý trong trường hợp cần thiết; trình tự, thủ tục khởi kiện còn phức tạp, kéo dài, tốn kém.

Kiện lãnh đạo doanh nghiệp, cổ đông “bó tay”¹¹

Nghị định 102/2010 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp, lần đầu tiên cho phép “con kiến” kiện “củ khoai” khi quy định: cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 6 tháng có quyền yêu cầu Ban kiểm soát khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên HĐQT, giám đốc (tổng giám đốc) khi các chức danh này không thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời quyết định của HĐQT; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc Nghị quyết của ĐHCĐ...

TS. Nguyễn Ngọc Khánh, Trưởng phòng Pháp chế, CTCP Cửa sổ Châu Âu (Eurowindow Holding) nhìn nhận, việc trao quyền khởi kiện cho cổ đông theo kiểu gián tiếp thông qua Ban kiểm soát đang khiến cho quy định hiện hành không có tính khả thi. Mặt khác, các trường hợp (hay các căn cứ) mà thành viên, cổ đông có quyền khởi kiện như quy định tại Điều 19 và Điều 25 của Nghị định 102/2010 là quá rộng, dễ gây khiếu kiện tràn lan. “Quy định hiện hành chưa tạo thuận lợi cho cổ đông, thành viên thực hiện quyền khởi kiện người quản lý DN khi vi phạm bổn phận của họ. Lý do là bởi trình tự, thủ tục khởi kiện còn phức tạp, khi quy định Ban kiểm soát không khởi kiện theo yêu cầu, thì cổ đông mới được trực tiếp khởi kiện...”

Các phương án được cân nhắc

Phương án 1: Giữ nguyên quy định của Luật Doanh nghiệp và văn bản hướng dẫn thi hành

Phương án 2. Bổ sung quy định nhằm bảo vệ tốt hơn quyền lợi hợp pháp của cổ đông. Ví dụ: quy định chi tiết hơn về bổn phận người quản lý công ty, tạo thuận lợi hơn cho cổ đông theo dõi, giám sát và khởi kiện người quản lý khi cần thiết, cụ thể:

- Quy định rõ hơn nghĩa vụ công khai hóa lợi ích của liên quan như: đối tượng phải công khai hóa, thông tin phải công khai hóa, cách thức công khai hóa, quyền tiếp cận thông tin của bên liên quan đối với thông tin được công khai hóa.

- Bỏ yêu cầu cổ đông chỉ được khởi kiện người quản lý nếu Ban kiểm soát không khởi kiện theo yêu cầu của cổ đông

- Bổ sung quy định xác định chi phí khi cổ đông khởi kiện người quản lý nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty.

¹¹ www.tinnhanhchungkhoan.vn. Truy cập ngày 27.2.2014

Đánh giá tác động các phương án

STT	Phương án	Sự phù hợp	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực
1.	Phương án 1. Giữ nguyên quy định của Luật Doanh nghiệp		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác động tiêu cực từ việc môi trường kinh doanh bị đánh giá kém so với nhiều quốc gia khác. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư không kém tin tưởng vào doanh nghiệp, dẫn đến khó khăn cho doanh nghiệp thu hút vốn chủ sở hữu đầu tư, kinh doanh. - Lợi ích của doanh nghiệp & cổ đông không được đảm bảo, có thể bị người quản lý lạm dụng địa vị chiếm đoạt. - Tổn kém cho cổ đông và cơ quan liên quan trong giải quyết khi cổ đông khởi kiện người quản lý. 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <p><u>Doanh nghiệp:</u></p>

2.	<p>Phương án 2. Nâng cao yêu cầu minh bạch hóa lợi ích của liên quan và tạo thuận lợi hơn cho cổ đông khởi kiện người quản lý do vi phạm bổn phận của người quản lý</p>	<p>Khái niệm khởi kiện người quản lý gọi là “kiện phát sinh” đây là một khái niệm còn mới ở nước ta. Sửa đổi Luật doanh nghiệp để đảm bảo phù hợp hơn với thông lệ tốt quốc tế.</p>	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không rõ ràng <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí cho doanh nghiệp & người quản lý bị yêu cầu bồi thường khi vi phạm người quản lý; uy tín của công ty bị ảnh hưởng nếu phát sinh kiện tụng. - Chi phí tăng thêm cho người quản lý & công ty trong việc công khai hóa, minh bạch hóa thông tin lợi ích liên quan: thu thập, lưu giữ, cập nhật và cung cấp thông tin theo yêu cầu. 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao trách nhiệm của người quản lý; qua đó, giảm rủi ro và thiệt hại cho công ty. Nói cách khác, lợi ích của công ty được bảo vệ tốt hơn. - Tương tự, lợi ích công ty được bảo vệ tốt hơn thì lợi ích của cổ đông cũng được bảo vệ tốt hơn. - Lợi ích cho doanh nghiệp trong việc dễ dàng và thuận lợi hơn trong huy động vốn đầu tư từ các cổ đông. - Doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.
----	---	---	--	---

Lựa chọn phương án

So sánh tác động của hai phương án cho thấy rõ ràng phương án 2 có nhiều tác động tích cực hơn. Đối với tác động tiêu cực của phương án 2 có một số lưu ý như sau. Chi phí cho doanh nghiệp và người quản lý khi bị khởi kiện không luôn xảy ra và chỉ phát sinh khi người quản lý vi phạm bổn phận của mình. Chi phí liên quan đến việc công khai hóa thông tin về lợi ích liên quan của người quản lý là cần thiết và không làm phát sinh nhiều chi phí vì đây là thông tin người quản lý cơ bản có sẵn. Bù lại các tác động tiêu cực, thì lợi ích đem lại từ phương án 2 có thể thấy là nhiều và lớn hơn. Đặc biệt, lợi ích đó cũng đồng thời là lợi ích cho chính đối tượng bị tác động tiêu cực là người quản lý và công ty. Ngoài ra, đề xuất như phương án 2 nhằm đảm bảo phù hợp hơn với thông lệ quốc tế tốt về quy định bảo vệ nhà đầu tư.

Từ cân nhắc trên, Ban soạn thảo đã sửa đổi lại Luật Doanh nghiệp theo phương án 2. Cụ thể sửa đổi ở các điều 139, 140, 141 dự thảo luật doanh nghiệp; theo đó, bổ sung quy định nhằm bảo vệ tốt hơn quyền lợi hợp pháp của cổ đông. Ví dụ: quy định chi tiết hơn về bổn phận người quản lý công ty, tạo thuận lợi hơn cho cổ đông theo dõi, giám sát và khởi kiện người quản lý khi cần thiết.

Vấn đề 11: Doanh nghiệp nhà nước

Vấn đề bất cập

Một trong số các mục tiêu hàng đầu của Luật Doanh nghiệp 2005 là tạo lập khung khổ pháp lý áp dụng thống nhất khung quản trị theo loại hình doanh nghiệp không phân biệt nguồn gốc sở hữu và đồng thời đổi mới cơ chế quản trị đối với doanh nghiệp nhà nước theo nguyên tắc thị trường và thông lệ quốc tế. Tuy vậy, việc triển khai áp dụng các nguyên tắc mới về quản trị doanh nghiệp nhà nước chưa được thực hiện đầy đủ. Thực tế nói trên do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là những vấn đề đặc thù trong quản trị doanh nghiệp nhà nước chưa được quy định hoặc quy định chưa rõ ràng trong Luật Doanh nghiệp. Cụ thể là:

- Chưa quy định về mục đích hoạt động và giới hạn phạm vi ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước phù hợp với vai trò, chức năng của nhà nước nói chung và doanh nghiệp nhà nước nói riêng.

- Chưa quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của Chính phủ nói chung trong vai trò đại diện chủ sở hữu theo ủy quyền của Quốc hội.

- Chưa quy định cụ thể thẩm quyền, cách thức xác định mục tiêu, chỉ tiêu đối với từng doanh nghiệp cụ thể; chưa xác định cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu và cách thức thực hiện quyền chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp nhà nước, v.v...

- Chưa quy định đặc thù trong tổ chức, hoạt động và quy trình ra quyết định đối với hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nhà nước và mối quan hệ giữa cơ quan chủ sở hữu nhà nước và người trực tiếp đại diện quyền chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp, v.v...

- Chưa quy định yêu cầu tách chức năng thực hiện quyền chủ sở hữu với chức năng quản lý hành chính và các chức năng khác của nhà nước trong thực hiện quyền chủ sở hữu và quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

- Chưa có quy định về giám sát, đánh giá trong hệ thống đại diện chủ sở hữu: Quốc hội đối với Chính phủ, Chính phủ đối với cơ quan (hay các cơ quan chủ sở hữu), cơ quan chủ sở hữu đối với người đại diện trực tiếp thực hiện quyền chủ sở hữu; nhất là chưa quy định về giám sát, đánh giá trực tiếp, chủ động và thường xuyên của cơ quan chủ sở hữu đối với kết quả hoạt động của doanh nghiệp và người quản lý doanh nghiệp. Khiếm khuyết nói trên đã góp phần làm cho giám sát, đánh giá nội bộ của chủ sở hữu, đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp trở nên lỏng lẻo và kém hiệu lực.

- Quy định yêu cầu doanh nghiệp nhà nước công khai hóa và minh bạch hóa tương tự như đối với các doanh nghiệp khác cùng loại cũng đã chứng tỏ chưa phù hợp cả về lý luận và thực tiễn. Công khai hóa và minh bạch hóa thông tin “dưới chuẩn” đã không phát huy được tác động tích cực của giám sát bên ngoài, giám sát của thị trường, của các nhà đầu tư, khách hàng, đặc biệt là của nhân dân đối với doanh nghiệp nhà nước và cách thức, hiệu quả thực hiện quyền chủ sở hữu của nhà nước tại doanh nghiệp.

- V.v....

Ngoài bất cập như nêu trên, trong quá trình thảo luận vấn đề này còn có ý kiến khác nhau về việc có nên dùng Luật doanh nghiệp (sửa đổi) để giải quyết các vấn đề nêu trên.

Phương án được xem xét

Phương án 1: Giữ nguyên như quy định của Luật doanh nghiệp. Cụ thể:

- Điều 168 quy định năm nguyên tắc chung về tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu nhà nước.

- Một số quy định chặt chẽ hơn về điều kiện, tiêu chuẩn người quản lý đối với doanh nghiệp nhà nước có sở hữu trên 50% vốn điều lệ, tại các điều 48, 58, 110 Luật doanh nghiệp 2005.

Phương án 2. Bổ sung các quy định “đặc thù” về quản trị và công khai hóa, minh bạch hóa đối với DNNN thành một chương riêng trong Luật Doanh nghiệp

Phương án 3: Không bổ sung thêm một chương về doanh nghiệp nhà nước trong Luật doanh nghiệp; tất cả nội dung liên quan và cần thiết về doanh nghiệp nhà nước sẽ được quy định trong dự án Luật đầu tư và quản lý vốn nhà nước trong doanh nghiệp.

Đánh giá tác động các phương án

STT	Phương án	Sự phù hợp	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực
1.	Phương án 1.			
	Phương án 2.		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản khoản về cấu trúc truyền thống của Luật doanh nghiệp; có thể nhầm lẫn phục hồi hình thức tổ chức kinh doanh là doanh nghiệp nhà nước. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không rõ ràng 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Dễ theo dõi và dễ đảm bảo tính thống nhất và phù hợp giữa nguyên tắc chung về quản trị doanh nghiệp và quy định “đặc thù” cho quản trị DNNN bởi vì được soạn thảo bởi một Ban soạn thảo và quy định trong một luật. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tương tự như trên về tính dễ theo dõi và thống nhất. - Có quan điểm cho rằng việc có thêm chương về DNNN là đảm bảo tính “bình đẳng” giữa các thành phần kinh tế.
	Phương án 3.		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý kiến lo ngại về việc phục hồi lại Luật doanh nghiệp nhà nước. 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo sự hệ thống và thống nhất giữa các quy định về doanh nghiệp nhà nước.

Lựa chọn phương án.

Những bản khoản về việc đưa thêm một chương về doanh nghiệp nhà nước sẽ làm sai lệch kết cấu, bản chất và chức năng vốn có của Luật doanh nghiệp không quá quan ngại. Ban soạn thảo thấy rằng xét về hình thức thì có một chương riêng về doanh nghiệp nhà nước có vẻ không hợp lý đối với vai trò, chức năng và kết cấu truyền thống của Luật doanh nghiệp. Về nội dung, thì đây không phải quy định doanh nghiệp nhà nước như một hình thức pháp lý, mà chỉ quy định các vấn đề quản trị đặc thù, bổ sung hoặc thay thế cho các nội dung tương ứng về quản trị đã quy định tại các chương tương ứng về công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần. Do đó, xét sâu hơn về nội dung, một chương như dự thảo về doanh nghiệp nhà nước không làm đảo lộn, mà trái lại cũng cố thêm vị trí và chức năng của Luật Doanh nghiệp trong điều kiện Việt Nam. Ngoài ra, như trên đã nói, đây là những vấn đề đặc thù về quản trị công ty, không phải là vấn đề đầu tư, nên quy định ở Luật doanh nghiệp là hợp lý và có hệ thống hơn quy định ở các luật khác.

Tuy vậy, xét tổng thể các tác động từng phương án, có thể nói rất khó để đưa ra quyết định lựa chọn phương án nào giữa phương án 2 và 3. Do đó, Ban soạn thảo đã đưa vấn đề này xin ý kiến quyết định của Chính phủ. Tạm thời, Ban soạn thảo lựa chọn phương án 2 và đã bổ sung thêm chương VII về quản trị doanh nghiệp nhà nước bao gồm 31 điều khoản, được chia thành 3 mục với nội dung cụ thể như sau.

Mục I bao gồm 6 Điều, từ Điều 169 đến 175, quy định về nội dung cơ bản sau:

- Xác định rõ vai trò và sứ mệnh của khu vực doanh nghiệp nhà nước và từng doanh nghiệp nhà nước (Điều 170 dự thảo Luật).

- Xác định nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước trong doanh nghiệp (Điều 171 dự thảo Luật).

- Quy định cụ thể về tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu vốn nhà nước trong doanh nghiệp theo các nguyên tắc: (i) tách biệt việc thực hiện các quyền chủ sở hữu với các chức năng khác của Chính phủ, (ii) thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu một cách độc lập và chuyên trách, tập trung và thống nhất. Mỗi doanh nghiệp có một cơ quan đại diện chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Quốc hội trong việc thực hiện các quyền chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp đó. Và (iii) không can thiệp và áp đặt mệnh lệnh hành chính vào hoạt động kinh doanh; đảm bảo quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (từ Điều 172 đến 175 dự thảo Luật).

Mục II bao gồm 18 Điều, từ Điều 176 đến 194. Mục này quy định về nguyên tắc quản trị đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên. Mục này bao gồm quy định “đặc thù”, cần có quy định chi tiết hơn (so với quy định của Luật Doanh nghiệp) về nguyên tắc quản trị trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chủ sở hữu là nhà nước. Ví dụ như tiêu chuẩn về điều kiện người quản lý.

Mục III bao gồm 5 Điều, từ Điều 195 đến 200. Mục này quy định về yêu cầu công khai hóa thông tin đối với doanh nghiệp có sở hữu vốn nhà nước; theo đó doanh nghiệp nhà nước sẽ phải công khai hóa thông tin một cách định kỳ và bất thường.

Trong trường hợp, Chính phủ quyết định chọn phương án 3 thì những nội dung trên trong dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi) sẽ được toàn bộ sang dự án Luật đầu tư và quản lý vốn nhà nước trong doanh nghiệp.

3. Tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp

Vấn đề 12. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp

Vấn đề bất cập

Luật Doanh nghiệp 2005 có 4 điều khoản quy định bốn hình thức mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A): chia, tách, hợp nhất và sáp nhập doanh nghiệp, bao gồm từ điều 150 đến 153. Trước hết cần hiểu rõ rằng hoạt động chia, tách, hợp nhất và sáp nhập doanh nghiệp sẽ bị điều chỉnh bởi nhiều Luật khác nhau, quan trọng nhất là các Luật: cạnh tranh, thuế, lao động và doanh nghiệp. Nói cách khác, Luật doanh nghiệp sẽ chỉ điều chỉnh một phần hoạt động chia, tách, hợp nhất và sáp nhập doanh nghiệp. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, Luật doanh nghiệp thường chỉ điều chỉnh hai nội dung liên quan: (i) chống thôn tính công ty, gây thiệt hại lợi ích của cổ đông, đặc biệt cổ đông nhỏ, và (ii) thủ tục hành chính để đăng ký lại các công ty là kết quả của quá trình mua bán doanh nghiệp.

Đánh giá thi hành Luật doanh nghiệp 2005 về quy định chia, tách, hợp nhất và sáp nhập doanh nghiệp cho thấy hạn chế sau:

- Quy định về việc sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp chỉ áp dụng cho doanh nghiệp cùng loại đã chứng tỏ là không còn phù hợp với thực tế; đang hạn chế, cản trở việc thay đổi hoặc mở rộng kinh doanh theo cách thức sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp.

- Luật Doanh nghiệp 2005 mới chỉ quy định chung về hồ sơ, thủ tục khi đăng ký kinh doanh các doanh nghiệp sau khi chia, tách, hợp nhất và sáp nhập; chưa xác định rõ các phương thức sáp nhập, hợp nhất; chưa có hướng dẫn chi tiết, cụ thể về đăng ký doanh nghiệp sau khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập như thay đổi về vốn điều lệ hay thay đổi thành viên, cổ đông... Bất cập này đã dẫn đến lúng túng và khó khăn cho cả cơ quan nhà nước và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục liên quan.

- So với thông lệ quốc tế, chưa có quy định chống thôn tính công ty có thể gây tổn hại đến lợi ích cổ đông trong công ty.

Các phương án được xem xét

Phương án 1: Giữ nguyên quy định của Luật Doanh nghiệp.

Phương án 2: Sửa đổi quy định hiện hành nhằm giải quyết các bất cập kể trên, cụ thể:

- Mở rộng đối tượng được quyền hợp nhất, sáp nhập, chia, tách công ty. Cho phép các công ty có cùng bản chất (có thể khác loại hình thức tổ chức) có thể hợp nhất, sáp nhập, chia, tách.

- Bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục về phương thức hợp nhất, sáp nhập, chia, tách doanh nghiệp và đăng ký lại doanh nghiệp sau khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách.

Đánh giá tác động các phương án

STT	Phương án	Sự phù hợp	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực
1.	Phương án 1.		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia tăng chi phí không cần thiết trong tham vấn cơ quan nhà nước liên quan để giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp.¹² <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia tăng chi phí và thời gian trong việc tổ chức lại doanh nghiệp theo loại hình như mong muốn. <p>Ví dụ: công ty TNHH A sáp nhập vào một công ty cổ phần B thì hiện nay phải làm theo cách “vòng”. Đầu tiên chuyển đổi công ty TNHH A thành cổ phần; sau đó sáp nhập công ty mới chuyển đổi thành công ty cổ phần vào công ty cổ phần B.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng thêm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính liên quan: thời gian chờ giải quyết, dịch vụ tư vấn hoặc hỏi ý kiến cơ quan nhà nước, - Rủi ro cho hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập. 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không rõ ràng <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không rõ ràng

¹² Cơ quan giải quyết thủ tục thường làm công văn hỏi ý kiến cơ quan nhà nước cấp trên có liên quan. Thời gian để trao đổi công văn này thường là dài và đôi khi không hiệu quả do công văn trả lời đôi khi không rõ ràng.

2.	Phương án 2:			
	- Mở rộng đối tượng được hợp nhất, chia, tách, sáp nhập		<u>Cơ quan nhà nước:</u> - Không rõ ràng <u>Doanh nghiệp:</u> - Không rõ ràng	<u>Cơ quan nhà nước:</u> <u>Doanh nghiệp:</u> - Giảm chi phí và thời gian không cần thiết cho tổ chức, tái cấu trúc lại doanh nghiệp. - Giảm rủi ro trong hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập
	- Bổ sung hướng dẫn cụ thể đăng ký lại công ty sau khi hợp nhất, chia, tách, sáp nhập		<u>Cơ quan nhà nước:</u> - Không rõ ràng <u>Doanh nghiệp:</u> - Không rõ ràng	<u>Cơ quan nhà nước:</u> - Giảm bớt thời gian và chi phí tham vấn trong giải quyết thủ tục. <u>Doanh nghiệp:</u> - Giảm bớt thời gian và chi phí tham vấn trong thực hiện thủ tục.

Lựa chọn phương án

Phân tích tác động về lợi ích-chi phí các phương án cho thấy phương án có lợi ích hơn hẳn so với phương án 1 dưới mọi loại tác động. Do đó, Ban soạn thảo đã sửa đổi Luật doanh nghiệp phương án 2.

Vấn đề 13. Giải thể doanh nghiệp

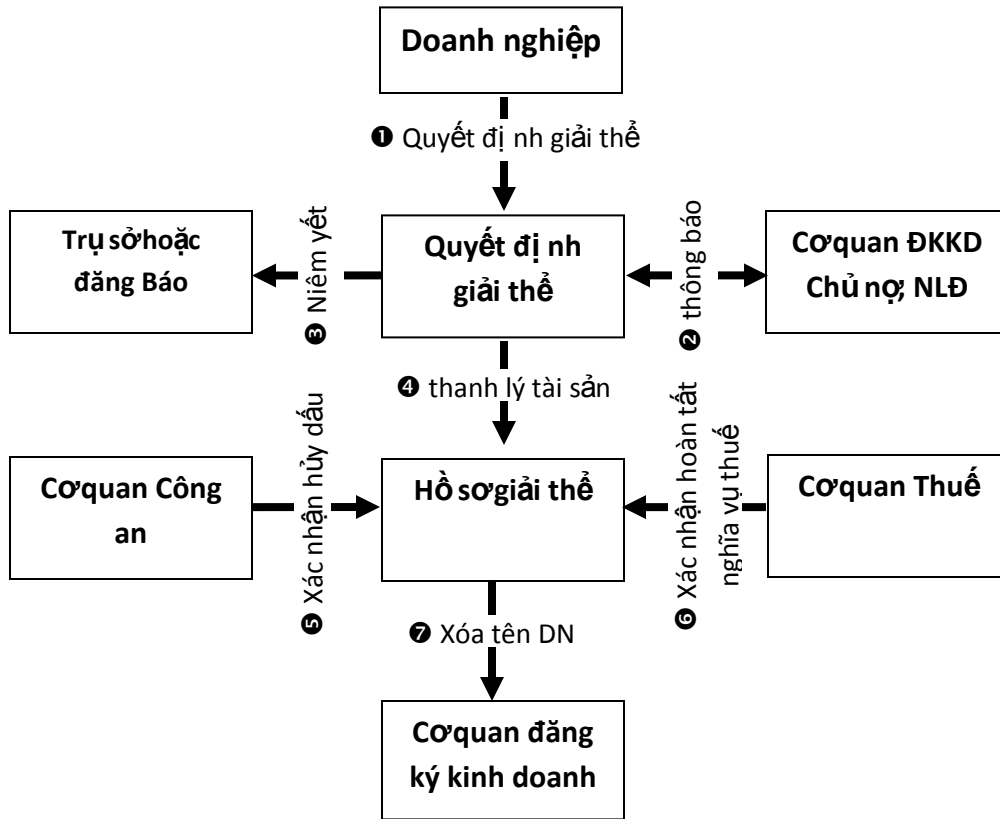
Vấn đề bất cập

Thực tế cho thấy việc giải thể doanh nghiệp có thể có nhiều lý do khác nhau. Do đó, trong nhiều trường hợp, giải thể doanh nghiệp được coi là một hoạt động bình thường, ví dụ nhà đầu tư thôi không muốn kinh doanh nữa hay chấm dứt hoạt động kinh doanh này để chuyển sang hoạt động kinh doanh khác có hiệu quả hơn. Tuy vậy, trong thời gian gần đây, do những khó khăn về kinh tế, số lượng doanh nghiệp rơi vào tình trạng giải thể, phá sản là lớn và ngày càng tăng lên. Theo số liệu thống kê năm 2013 có khoảng trên 60.000 rơi vào tình trạng giải thể hoặc mong muốn giải thể.¹³ Mặc dù vậy, số lượng doanh nghiệp hoàn thành thủ tục giải thể không nhiều, chỉ có 9.818 doanh nghiệp. Rất nhiều doanh nghiệp như vậy đã cho rằng họ gặp khó khăn trong thực hiện thủ tục giải thể.

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, trình tự, thủ tục giải thể được thực hiện theo sơ đồ sau đây.

¹³ Số liệu Cục quản lý đăng ký kinh doanh – Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Bài viết: Hơn 60.000 doanh nghiệp VN giải thể hoặc ngừng hoạt động. Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh online, ngày 24/12/2013. Trong số hơn 60.000 doanh nghiệp này, có 56.4% do sản xuất thua lỗ kéo dài; 5,1% do năng lực quản lý điều hành hạn chế; 38.5% do nguyên nhân khách quan: thiếu vốn, thiếu thị trường,

Sơ đồ quy trình giải thể doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp 2005



Bước 1: Doanh nghiệp ra quyết định giải thể.

Bước 2&3: Gửi quyết định giải thể cho cơ quan ĐKKD, chủ nợ và người lao động; niêm yết quyết định giải thể tại trụ sở chính hoặc đăng báo nếu pháp luật có yêu cầu.

Bước 4. Doanh nghiệp tiến hành thanh lý tài sản.

Bước 5. Nộp con dấu cho cơ quan công an để lấy xác nhận hủy dấu

Bước 6. Quyết toán thuế với cơ quan thuế; đồng thời lấy xác nhận hoàn tất nghĩa vụ thuế.

Bước 7. Nộp hồ sơ cho cơ quan đăng ký kinh doanh để xóa tên doanh nghiệp.

Thực tế cho thấy, có nhiều nguyên nhân gây khó khăn cho thủ tục giải thể, trong đó thủ tục quyết toán thuế là thủ tục gây phức tạp và khó khăn nhất cho doanh nghiệp (xem hộp dưới đây).

Đừng đại làm thủ tục giải thể doanh nghiệp.¹⁴

Anh K, GD một Cty cổ phần thành lập năm 2008. Thành lập được hai tháng thì suy thoái kinh tế xảy ra. Cty hoạt động rất khó khăn và đến năm 2012, các cổ đông sáng lập nhất trí làm thủ tục giải thể. Hồ sơ xin giải thể doanh nghiệp (DN) đã hoàn tất và gửi tới cơ quan thuế từ tháng 1.2012. Sau 3 tháng “nghiên cứu hồ sơ”, cơ quan thuế chuyển cho anh K một quyết định truy thu tiền thuế môn bài năm 2010 - 2011 - 2012, tiền thuế giá trị gia tăng còn thiếu, tiền phạt vi phạm hành chính...

Ngoài các khoản thành văn trong quyết định còn có khoản bất thành văn là “chi phí bồi dưỡng làm thêm giờ cho cán bộ thuế để kiểm tra hồ sơ”. Tổng cộng, số tiền phải chi tới 30 triệu đồng. Kế toán doanh nghiệp đã đi làm ở nơi khác, các cổ đông đã chia nhau hết số tiền và tài sản còn lại. Thế là, anh K phải gồng mình chịu trận để lấy được thủ tục “xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ thuế”, “thông báo đóng mã số thuế”. Sau đó, anh còn phải xin xác nhận của cơ quan hải quan về “không nợ thuế hải quan”, xin xác nhận của ngân hàng về “đã tắt toán tài khoản”... Đến hết năm 2012, anh mới “được” trả con dấu và lấy thông báo giải thể doanh nghiệp từ cơ quan đăng ký kinh doanh.

Ngoài ra, các quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 về quy trình thủ tục giải thể chỉ phù hợp đối với trường hợp giải thể tự nguyện; khó áp dụng trong trường hợp giải thể “bắt buộc” do bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc theo quyết định của tòa án; chưa quy định cách thức xử lý doanh nghiệp đã ngừng hoạt động, không nợ nần gì nhưng không làm thủ tục giải thể; thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan: ĐKKD, Công an và Thuế trong quá trình giải quyết thủ tục giải thể, gây ra tốn kém chi phí và thời gian cho doanh nghiệp.

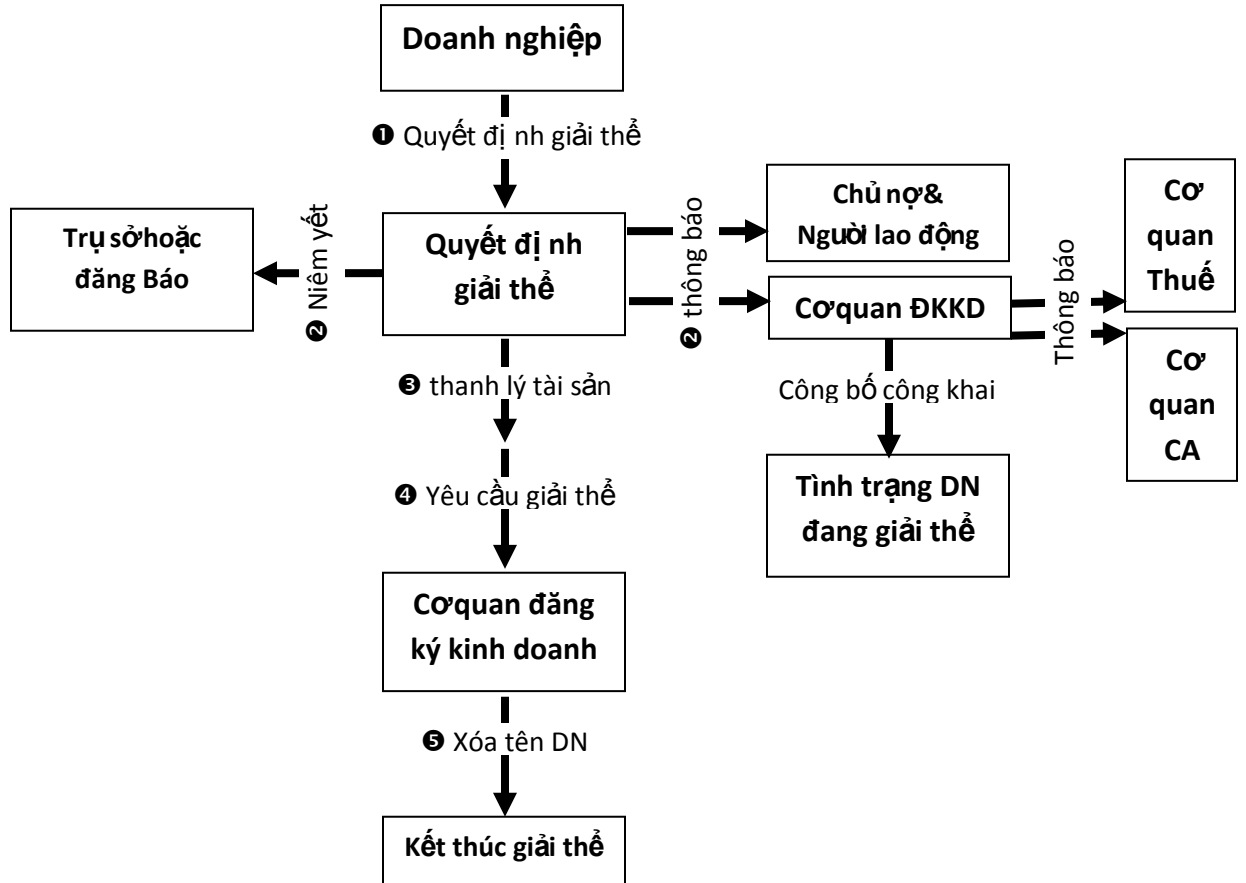
Các phương án được cân nhắc

Phương án 1. Giữ nguyên các quy định của Luật doanh nghiệp

Phương án 2. Hải hòa hóa thủ tục giải thể doanh nghiệp và tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong giải quyết thủ tục giải thể doanh nghiệp. Trình tự, thủ tục giải thể theo phương án này được miêu tả theo sơ đồ sau đây.

¹⁴ Báo Lao động online. Luật gia Vũ Xuân Tiên: Đừng đại làm thủ tục giải thể doanh nghiệp, đăng ngày 27-11-2013.

Sơ đồ quy trình giải thể doanh nghiệp theo phương án 2.



Bước 1: Quyết định giải thể

Bước 2: Thông báo cơ quan đăng ký kinh doanh, thuế, công an, chủ nợ, người lao động & niêm yết tại trụ sở và/hoặc đăng báo. Cơ quan ĐKKD công bố công khai tình trạng DN đang giải thể trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐKKD và trang điện tử cơ quan thuế.

Bước 3. Doanh nghiệp tiến hành thanh lý tài sản

Bước 4: Nộp yêu cầu giải thể doanh nghiệp.

Bước 5. Cơ quan ĐKKD xóa tên doanh nghiệp theo yêu cầu giải thể doanh nghiệp hoặc 6 tháng từ ngày nhận được quyết định giải thể mà không có ý kiến phải đối của doanh nghiệp hoặc bên có liên quan.

Đánh giá tác động phương án

STT	Phương án	Sự phù hợp	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực
1.	Phương án 1.		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm hiệu lực quản lý nhà nước: sai lệch số liệu thống kê và khó khăn trong theo dõi, giám sát doanh nghiệp. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia tăng chi phí và thời gian cho doanh nghiệp rút khỏi thị trường, giải thể doanh nghiệp. - Tăng độ rủi ro và kém minh bạch của môi trường kinh doanh, dẫn đến rủi ro cho doanh nghiệp và bên có liên quan. - Giảm hiệu lực thực thi pháp luật và giảm tỷ lệ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. - Hạn chế cơ hội lựa chọn tên doanh nghiệp, do không thể đặt tên doanh nghiệp gây nhầm lẫn hoặc trùng với tên doanh nghiệp đã thực tế dừng hoạt động, nhưng chưa được xóa tên. Tác động này là khá lớn. Ví dụ, thống kê năm 2013 có khoảng 40.000 doanh nghiệp thuộc trường hợp này. 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không rõ ràng. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có

2.	Phương án 2.		<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng thêm chi phí, thời gian do tăng thêm một số công việc cho cơ quan đầu mối là ĐKKD. - Cơ quan nhà nước khác phải tích cực, chủ động giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên có liên quan và chủ nợ phải tích cực, chủ động trong theo dõi, giám sát doanh nghiệp trong quan hệ của mình; do đó, sẽ tốn kém chi phí và thời gian nhất định. 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước do số liệu thống kê chính xác hơn, cập nhật hơn. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm bớt tổn kém và thời gian làm thủ tục giải thể doanh nghiệp; theo đó, nâng cao tỷ lệ tuân thủ pháp luật. - Môi trường kinh doanh minh bạch hơn và ít rủi ro hơn. - Nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp và người quản lý.
----	--------------	--	--	--

Lựa chọn phương án

Phân tích các tác động của hai phương án cho thấy tác động tích cực của phương án 2 lớn hơn nhiều so với phương án 1. Bên cạnh đó, việc thực thi phương án 2 sẽ có những tác động tiêu cực. Xem xét kỹ lưỡng những tác động tiêu cực của phương án thấy có mấy đặc điểm sau đây:

- Tác động này chủ yếu tạo ra cho cơ quan nhà nước.
- Việc tích cực, chủ động của cơ quan nhà nước trong giải quyết thủ tục hành chính và theo dõi, giám sát doanh nghiệp có liên quan là những công việc mà cơ quan nhà nước và các bên có liên quan cần thiết phải làm, ngay cả khi không có phương án cải cách này.

Do đó, xét tổng thể những cải cách của phương án 2 sẽ mang lại lợi ích lớn cho cả việc nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và cho chính doanh nghiệp. Ban soạn thảo đã sửa đổi Luật Doanh nghiệp theo phương án 2. Cụ thể:

- Quy định rõ hơn và hợp lý hơn trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp. Trình tự giải thể được quy định theo các bước: (i) quyết định giải thể, (ii) công bố tình trạng doanh nghiệp đang giải thể, (iii) yêu cầu xóa tên doanh nghiệp (Điều 218 dự thảo Luật).

- Bổ sung quy định hướng dẫn giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của tòa án (Điều 219 dự thảo Luật).

4. Vấn đề mới phát sinh

Vấn đề 14. Doanh nghiệp xã hội

Vấn đề bất cập

Trong vài năm gần đây ở nước ta đã xuất hiện một loại hình doanh nghiệp kinh doanh khá đặc biệt mà các nước thường gọi là doanh nghiệp xã hội (DNXH). Loại hình kinh doanh này đã xuất hiện ngày càng nhiều và đang phát triển nhanh chóng. Đặc điểm chung của loại hình doanh nghiệp này là lợi nhuận thu được chủ yếu dùng để tái đầu tư giải quyết vấn đề xã hội hoặc môi trường. Theo điều tra sơ bộ tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, hiện có khoảng vài trăm DNXH hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo nghề, chăm sóc các nhóm người yếu thế, giải quyết các vấn đề môi trường, bảo vệ môi trường và xóa đói, giảm nghèo, v.v...¹⁵

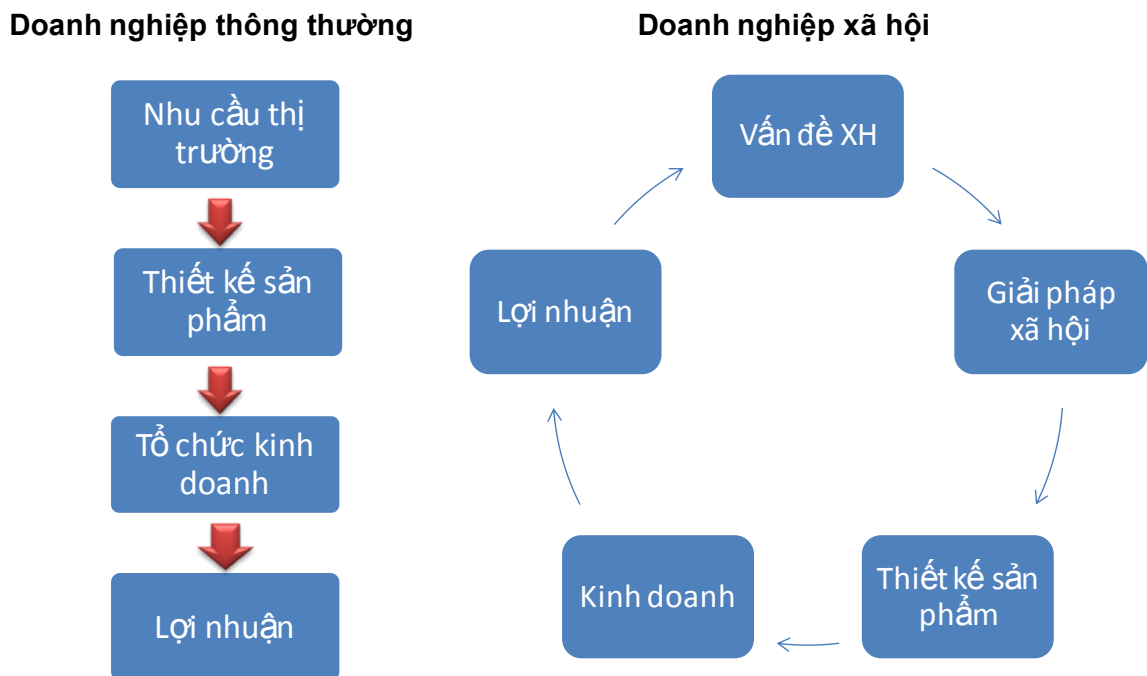
Khái niệm DNXH tuy còn mới mẻ ở nước ta nhưng đã tồn tại từ lâu ở nhiều nước, như ở Anh, Mỹ, Ấn Độ, Bangladesh và các nước quanh ta, như: Thái Lan, Singapore, Indonesia... Ở Anh số lượng DNXH đã lên tới 55.000 doanh nghiệp, đạt 27 tỷ bảng doanh thu, đóng góp 8,4 tỷ bảng/năm cho GDP, sử dụng 475.000 lao động, chiếm 5% tổng số lao động của khu vực doanh nghiệp. Các DNXH đã chứng tỏ được thế mạnh của mình trong việc khai thác các sáng kiến xã hội, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực

¹⁵ CIEM-Hội đồng Anh (2013): Báo cáo nghiên cứu thực trạng DNXH ở Việt nam và kiến nghị chính sách

xã hội và môi trường tiềm tàng, tăng cường tính bền vững của các giải pháp xã hội thông qua các nguyên tắc và động lực thị trường. Nhiều nước đã có sự công nhận chính thức đối với các DNXH và hỗ trợ họ bằng việc xây dựng khung khổ pháp lý và tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển.

Từ kinh nghiệm quốc tế, điểm chung và khác nhau cơ bản nhất giữa DNXH và doanh nghiệp thông thường là DNXH kinh doanh để giải quyết vấn đề xã hội; còn doanh nghiệp thông thường là kinh doanh để thu lợi nhuận. Hai doanh nghiệp này có điểm chung là doanh nghiệp kinh doanh nhằm mục tiêu lợi nhuận. Điểm khác nhau là cách thức sử dụng lợi nhuận thu được. Đối với doanh nghiệp thông thường thì lợi nhuận chủ yếu để chia cho cổ đông; DNXH thì lợi nhuận để duy trì hoạt động bền vững và tái đầu tư nhằm giải quyết vấn đề xã hội tốt hơn.

Sơ đồ so sánh đặc điểm cơ bản giữa DNXH và doanh nghiệp thông thường.



Như vậy, DNXH đã thực tế tồn tại ở nước ta nhưng chưa được pháp luật ghi nhận một cách chính thức. Khảo sát thực tế và tham vấn chính sách cho thấy chủ sở hữu, người quản lý doanh nghiệp và các bên có liên quan đều mong muốn DNXH được quy định và thừa nhận về mặt pháp lý; qua đó, có thể có những chính sách phù hợp tạo thuận lợi và thúc đẩy phát triển DNXH ở nước ta. Mong muốn nói trên là chính đáng; vì nếu được như vậy, DNXH ở nước ta sẽ có điều kiện thuận lợi hơn để phát triển để trở thành lực lượng bổ sung cho Nhà nước, đồng hành cùng nhà nước trực tiếp giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường của đất nước.

Các phương án được cân nhắc

Phương án 1: Giữ nguyên như hiện nay. DNXH sẽ tồn tại và phát triển một cách tự nhiên như hiện nay. Không ban hành quy định để điều chỉnh vấn đề này.

Phương án 2. Quy định rõ tiêu chí, quyền và nghĩa vụ của DNXH. Đây sẽ là cơ sở để thiết kế các chính sách thúc đẩy sự phát triển hình thức kinh doanh này.

Đánh giá tác động các phương án

STT	Phương án	Sự phù hợp	Tác động tiêu cực	Tác động tích cực
1.	Phương án 1.		<p><u>Cơ quan nhà nước/xã hội:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không khuyến khích hoặc thúc đẩy tìm kiếm phương thức mới, bền vững giải quyết vấn đề xã hội. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bất lợi cho DNXH đang hoạt động nếu áp dụng chung một khung khổ chính sách cho mọi loại doanh nghiệp bởi DNXH thường có hoàn cảnh bất lợi về tự nhiên, thể chất hoặc cơ hội kinh doanh so với doanh nghiệp thông thường. 	<p><u>Cơ quan nhà nước:</u></p> <p><u>Doanh nghiệp:</u></p>
2.	<p>Phương án 2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định tiêu chí DNXH 		<p><u>Cơ quan nhà nước/xã hội:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát sinh chi phí và thời gian theo dõi, giám sát đối với DNXH. <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí để đáp ứng và duy trì tiêu chí & điều kiện của DNXH. 	<p><u>Cơ quan nhà nước/xã hội:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích từ việc phát triển các DNXH: lao động, thuế, vấn đề xã hội được giải quyết,.... <p><u>Doanh nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - DNXH được hưởng một số lợi ích bù đắp vị trí kém thuận lợi của doanh nghiệp.

3.	Phương án 3. - Xác định tiêu chí DNXH		Tương tự như phương án 2	Tương tự như phương án 2
----	---	--	--------------------------	--------------------------

Lựa chọn phương án

Phân tích trên cho thấy lợi ích rõ ràng của việc thừa nhận chính thức về mặt pháp lý các DNXH. Do đó, Ban soạn thảo đã lựa chọn Phương án 2 để bổ sung vào nội dung dự thảo Luật Doanh nghiệp sửa đổi. Cụ thể:

Dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã bổ sung khái niệm doanh nghiệp xã hội để luật hóa sự tồn tại nhằm thúc đẩy sự phát triển loại hình doanh nghiệp này như một phương thức mới giải quyết vấn đề xã hội. Doanh nghiệp xã hội là doanh nghiệp được định nghĩa là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động nhằm giải quyết một hoặc một số vấn đề xã hội và môi trường; ít nhất 65% tổng lợi nhuận hàng năm của doanh nghiệp được sử dụng để tái đầu tư nhằm giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường đã đăng ký (Điều 13 dự thảo Luật).

V. Tóm tắt và kết luận.
